

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



CẨM NANG HỌC VỤ
DÀNH CHO HỌC VIÊN CAO HỌC
KHÓA TUYỂN Khóa 20/2025



LƯU HÀNH NỘI BỘ
Năm 2025

MỤC LỤC

1. Đối tượng áp dụng	4
2. Mục tiêu đào tạo	4
3. Hình thức đào tạo	4
4. Thời gian đào tạo	4
5. Chương trình đào tạo	5
6. Cấu trúc chương trình đào tạo	8
7. Tổ chức giảng dạy và đào tạo.....	11
8. Xét tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ.....	15
9. Những thay đổi trong quá trình đào tạo	17
10. Chuyển đổi phương thức đào tạo, chuyển ngành đào tạo	18
11. Xử lý học vụ	19
12. Các khoản phí	21
13. Nhiệm vụ và quyền của học viên	22
14. Tài nguyên học tập	24
15. Hỗ trợ Nghiên cứu Khoa học	25
16. Thông tin liên hệ của Phòng ĐTSĐH&KH-CN.....	26
17. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin	28
18. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học máy tính..	30
18. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin ..	32
19. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành An toàn thông tin	34
20. Phụ lục	

Biên soạn: Phòng Đào tạo Sau Đại học
và Khoa học Công nghệ
Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Cập nhật lần cuối: 10.2025

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Đối tượng áp dụng

Văn bản này hướng dẫn việc thực hiện quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ đối với học viên cao học (HVCH) khóa 20 năm 2025.

Ngoài văn bản hướng dẫn này, HVCH cần thường xuyên cập nhật thông tin liên quan đến khóa học tại website <https://sdh.uit.edu.vn/>.

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giúp HVCH nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

3. Hình thức đào tạo

Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Thời gian đào tạo

- Tổng thời gian đào tạo chính quy: 02 năm.
- Kế hoạch học tập: xem Phụ lục 1.
- Sau thời gian đào tạo chính quy, nếu HVCH không thể hoàn tất chương trình đào tạo (chưa bảo vệ luận văn hoặc

chưa báo cáo luận văn tốt nghiệp), nếu có nguyện vọng học tiếp thì phải làm thủ tục chuyển sang học tự túc. Thời gian học tự túc tối đa không quá 02 năm kể từ ngày hết hạn học chính quy. ***Tổng thời gian đào tạo tối đa chương trình thạc sĩ không quá 48 tháng kể cả thời gian được phép nghỉ học tạm thời và thời gian chuyển sang hệ tự túc.***

5. Chương trình đào tạo

- Khung chương trình môn học riêng tương ứng từng ngành sẽ phát cho HVCH vào đầu năm học hoặc tham khảo tại website <https://sdh.uit.edu.vn>
- Phương thức đào tạo: có 2 loại
 - chương trình nghiên cứu
 - chương trình ứng dụng

a) *Chương trình đào tạo thạc sĩ nghiên cứu:*

Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu, người học có đầy đủ các kỹ năng về tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và nghiên cứu độc lập để chủ động khám phá, phát triển các quan điểm, ý tưởng, luận thuyết khoa học mới về vấn đề khoa học hoặc thực nghiệm khoa học, có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác

thuộc lĩnh vực ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Thời lượng phân bổ tập trung nhiều vào thời gian nghiên cứu và thực hiện luận văn. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong bài báo khoa học về kết quả luận văn thạc sĩ do học viên là tác giả chính.

b) *Chương trình đào tạo thạc sĩ ứng dụng:*

Giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

6. Cấu trúc chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ (là chương trình đào tạo áp dụng đại trà) có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ với cấu trúc gồm ba phần: *kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên*

ngành, luận văn thạc sĩ, nghiên cứu khoa học (Đề án, chuyên đề nghiên cứu).

a) Phần kiến thức chung bao gồm:

- Môn Triết học có khối lượng 3TC.
- Môn tiếng Anh: ***theo quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh của ĐHQG-HCM.***

b) Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các môn học bắt buộc và môn học tự chọn.

c) Luận văn thạc sĩ: luận văn thạc sĩ là một công trình khoa học, do HVCH thực hiện dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn và được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Luận văn thạc sĩ của chương trình nghiên cứu theo phương thức 1 có khối lượng tối thiểu 53 TC; kết quả nghiên cứu là bài báo khoa học được chấp nhận công bố hoặc được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế.
- Luận văn thạc sĩ của chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 có khối lượng tối thiểu 15 TC;
- Luận văn thạc sĩ của chương trình ứng dụng có khối lượng tối thiểu 12TC.

d) Đối với luận văn thạc sĩ chương trình nghiên cứu theo phương thức 1 (53TC): người học là tác giả đứng đầu của ít

nhất một (01) bài báo khoa học công bố trên tạp chí được xếp hạng Q2 trở lên thuộc danh mục Scopus.

e) Đối với luận văn thạc sĩ chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 và chương trình ứng dụng : Công bố khoa học được khuyến khích và được cộng điểm trong đánh giá đề tài luận văn.

f) Điều kiện và thời điểm đăng ký phương thức đào tạo

- Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1

- NH tốt nghiệp đại học loại giỏi, là tác giả của ít nhất 01 (một) công bố khoa học trong danh mục Scopus có liên quan đến lĩnh vực sẽ nghiên cứu. Trường hợp NH tốt nghiệp loại khá có công bố khoa học tốt được Hiệu trưởng xem xét quyết định. Các công bố khoa học được xem xét trong vòng 2 năm tính từ thời điểm công bố đến thời điểm tuyển sinh mà NH ứng tuyển.

- Đăng ký học chương trình thạc sĩ nghiên cứu theo phương thức 1 trong vòng 01 tháng kể từ khi có quyết định trúng tuyển.

- Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 và chương trình ứng dụng: đăng ký phương thức đào tạo cùng lúc với đăng ký xét công nhận đề tài luận văn thạc sĩ theo thông báo của ĐVQL.

g) Hồ sơ đăng ký phương thức đào tạo gồm:

- Phiếu đăng ký phương thức đào tạo, trong đó có xác nhận chấp nhận hướng dẫn luận văn của người hướng dẫn (NHD), có xác nhận của ĐVCM phụ trách ngành đảm bảo điều kiện nghiên cứu cho NH;

- Lý lịch khoa học của NHD;

- Đề cương đề tài luận văn thạc sĩ;

- Minh chứng công bố khoa học của NH (nếu có).

6.2. Gia hạn bảo vệ LV

a) Điều kiện gia hạn: Việc xem xét gia hạn chỉ thực hiện khi HV có lý do chính đáng. Hồ sơ xem xét gia hạn gồm: Đơn xin gia hạn bảo vệ LV, có ý kiến đề nghị của người hướng dẫn và Trưởng ĐVCM (theo mẫu), Trưởng ĐVQL, minh chứng về nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài LV.

b) HV có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của Trường.

c) Thời gian gia hạn mỗi lần 6 tháng, tổng thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.

6.3. Khung chương trình của từng ngành: xem Phụ lục .

7. Tổ chức giảng dạy và đào tạo

7.1. Đăng ký môn học

a) Đăng ký môn học:

- ***HVCH thuộc các ngành học tại Trường được phép đăng ký môn học thuộc ngành khác không quá 12 TC;***
 - Để được tham gia học các môn học, HVCH cần phải thực hiện các thủ tục đăng ký môn học, đóng học phí theo quy định;
 - Trường tổ chức đăng ký môn học trước khi học phần các môn học bắt đầu: HVCH sẽ thực hiện việc đăng ký môn học theo qui định. Chỉ có các HVCH được xếp lớp và nhận thời khóa biểu học kỳ chính đúng hạn mới có đầy đủ quyền lợi của một HVCH của trường trong học kỳ tương ứng.
- b) Các nguyên tắc và quy định chung cần phải tuân thủ theo thông báo của Đơn vị quản lý (ĐVQL) khi đăng ký môn học:
- Để đảm bảo thời gian và chất lượng nội dung đào tạo, ***HVCH không được đăng ký vượt quá 20TC trong một học kỳ; không quá 45TC một năm.***
 - HVCH đăng ký môn học cần đảm bảo điều kiện ràng buộc riêng đối với môn học (môn học tiên quyết, môn học song hành);
 - Khi HVCH đã đăng ký môn học chỉ được phép xin hủy đăng ký trong thời hạn cho phép và việc xin hủy này không gây ảnh hưởng đến việc mở lớp.

- Nếu HVCH có điểm tổng kết môn học không đạt thì phải đăng ký tại ĐVQL để học lại môn học với lớp môn học đợt sau đó. HV phải theo dõi lịch học của lớp môn học kế sau để tiến hành đăng ký học lại. Mọi thắc mắc, khiếu nại về điểm môn học HVCH phải có đơn trong vòng 01 tuần làm việc kể từ ngày công bố điểm đến với HVCH. Giảng viên môn học, ĐVĐT và ĐVQL phải xem xét giải quyết trả lời HVCH trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đơn của HVCH.

7.2. Đăng ký đề cương luận văn thạc sĩ và giao đề tài:

Trước khi bắt đầu học các môn chuyên ngành, ĐVĐT thuộc Khoa/ Bộ môn phối hợp với ĐVQL thuộc Phòng ĐTSDH&KHCHN tổ chức giới thiệu cho HVCH về chuyên ngành đào tạo. HVCH có thể đề xuất tên đề tài luận văn và đề xuất người hướng dẫn khoa học ngay từ khi bắt đầu học chuyên ngành.

- Đề tài luận văn do Trưởng ĐVĐT công bố hoặc do HVCH đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và Trưởng đơn vị đào tạo đồng ý;
- Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho HVCH, cử người hướng dẫn trên cơ sở đề nghị của Trưởng ĐVĐT và Trưởng ĐVQL và tổ chức bảo vệ luận văn. Trong khoảng thời gian 1 tháng trước khi hết thời gian hoàn thành luận

văn 6 tháng nếu HVCH chưa hoàn thành báo cáo luận văn, ***HVCH có thể làm đơn xin gia hạn thêm thời gian làm luận văn tối đa hai lần mỗi lần sáu tháng. Tổng thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.***

- Để được xem xét gia hạn thêm thời gian làm luận văn HVCH phải hoàn tất học phí của chương trình học và phải chịu toàn bộ kinh phí phát sinh trong quá trình kéo dài.
- Trong quá trình thực hiện luận văn, Trưởng ĐVĐT chịu trách nhiệm về tên và nội dung đề tài luận văn. Hiệu trưởng sẽ ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của HVCH, được người hướng dẫn và Trưởng ĐVĐT đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định.

7.3. Điều kiện bảo vệ luận văn

- HVCH hoàn thành chương trình đào tạo, ***có điểm trung bình tích lũy các học phần đạt tối thiểu từ 5.5 trở lên theo thang điểm 10 (không tính ngoại ngữ).***
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập; không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong LV.
- Có đơn đề nghị bảo vệ có sự đồng ý của người hướng dẫn là LV đạt các yêu cầu.
- LV được tập thể hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định.

8. Xét tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ

8.1. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy định.
- Đủ điều kiện ngoại ngữ (tiếng Anh) theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.
- Đã nộp luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.
- Hoàn tất việc đóng học phí theo quy định của Trường.
- Nộp đầy đủ hồ sơ tốt nghiệp theo quy định của Trường. Kết thúc khóa học, Hiệu trưởng quyết định cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho HVCH đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hồ sơ cấp bằng thạc sĩ gồm:

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học (có công chứng).
- Minh chứng đủ điều kiện ngoại ngữ theo quy định hiện hành.
- Bảng điểm học tập toàn khóa.

- Lý lịch khoa học của HVCH theo mẫu.
- Hồ sơ bảo vệ luận văn gồm: biên bản của Hội đồng chấm luận văn, nhận xét của các cán bộ phản biện, biên bản kiểm phiếu và các phiếu chấm điểm.
- Có giấy xác nhận của Thư viện về việc nộp 01 quyển luận văn tốt nghiệp đính kèm file điện tử (trong quyển luận văn phải đóng kèm bản sao quyết định thành lập hội đồng chấm luận văn, nhận xét của người hướng dẫn, nhận xét các phản biện, phiếu yêu cầu chỉnh sửa (nếu có)).

8.2. Cách tính điểm trung bình toàn khóa

Điểm trung bình tích lũy ngành là trung bình cộng tính theo hệ số (số tín chỉ môn học) của tất cả các điểm tổng kết môn học thuộc chương trình đào tạo ngành liên quan (kể cả các môn được bảo lưu, miễn học, miễn thi). Điểm trung bình tích lũy ngành được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

8.3. Văn bằng thạc sĩ

Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho HVCH theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

Bảng điểm cấp cho HVCH phải liệt kê đầy đủ: loại chương trình đào tạo; tên các môn học và số tín chỉ tích lũy; điểm tổng kết môn học; tên đề tài luận văn, số tín chỉ, điểm luận văn và

danh sách Hội đồng chấm luận văn; điểm trung bình tích lũy ngành đào tạo.

9. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

9.1. HV được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a. Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- b. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế.
- c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài.
- d. Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

9.2. Ngoài quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 5 của Quy chế này, thời gian được xem xét thêm sau khi nghỉ học tạm thời.

- a. Đối với điểm a, b, khoản 1 Điều này, thời gian NH được xem xét thêm căn cứ theo quyết định điều động của NH.
- b. Đối với điểm c khoản 1 Điều này, thời gian NH được xem xét thêm tối đa 06 tháng.
- c. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học.

9.3. Khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, NH phải có đơn gửi Hiệu trưởng trong thời gian đăng ký học của học kỳ tương ứng.

9.4. NH được cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

10. Chuyển đổi phương thức đào tạo và chuyển ngành đào tạo trong Trường ĐH CNTT

10.1. Chuyển đổi phương thức đào tạo

a. Trong quá trình học, NH được chuyển đổi phương thức đào tạo.

b. Điều kiện chuyển đổi phương thức đào tạo: thỏa điều kiện đăng ký phương thức và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định đối với chương trình nghiên cứu hoặc chương trình ứng dụng trong thời hạn tối đa của khóa đào tạo tương ứng, đồng thời không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

10.2. Chuyển ngành đào tạo

a. Trong quá trình học, NH được chuyển đổi ngành đào tạo.

b. Điều kiện chuyển ngành đào tạo: NH đáp ứng điều kiện trong điểm a, b khoản 1 Điều 21 của Quy chế này; phải đảm bảo các yêu cầu theo đề án mở ngành và đề án tuyển sinh của

Trường; và được sự đồng ý của ĐVCM nơi đi và nơi chuyển đến.

c. NH không được phép chuyển ngành đào tạo khi:

- Đã học hết 01 năm trong CTĐT thạc sĩ.
- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính của học kỳ đã học hoàn tất.

Đã thực hiện chuyển đổi ngành đào tạo 01 (một) lần.

d. Thủ tục chuyển ngành đào tạo:

- NH xin chuyển ngành đào tạo phải làm đơn xin chuyển theo quy định, có xác nhận của Trường ĐVCM nơi đi và nơi đến.
- Sau khi có xác nhận của cả hai ĐVCM, ĐVQL làm thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định chuyển ngành cho NH, trong đó công nhận một phần hoặc toàn bộ học phần mà NH đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung.

11. Xử lý học vụ

11.1. Xét gia hạn thời gian học tập: HVCH được xét gia hạn học tập khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Kết thúc thời gian học chính thức (tối đa là sau 2 năm) của khóa đào tạo;

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng quy định;
- Không vi phạm từ mức độ đình chỉ trở lên;
- Có đơn xin xét gia hạn theo quy định;
- Nộp lệ phí gia hạn theo quy định.

11.2. Xử lý vi phạm đối với người học

11.2.1. NH có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

11.2.2. NH thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

11.2.3. NH vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn.

12. Các khoản phí

Các khoản phí phải đóng trong suốt thời gian học bao gồm:

- Học phí: Học phí được đóng theo đợt, bao gồm 2 đợt mỗi năm vào tháng 1 và tháng 7 (*tân HVCH sẽ đóng học phí đợt 1 vào tháng nhập học*).
 - HVCH hoàn thành nghĩa vụ học phí trong 2 năm để được phép học các môn được mở trong chương trình đào tạo.
 - Học phí trọn gói dự kiến: 83 triệu/ khóa học/2 năm
 - HVCH đóng học phí đúng hạn được giảm 5%.
HVCH là sinh viên tốt nghiệp Trường ĐHCNTT và các trường thành viên Đại học Quốc gia – TP. HCM; giảng viên các trường Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề, giáo viên các Trường THCS, THPT đóng học phí đúng hạn được giảm 10% học phí.
- Phí học lại thi lại: Đối với các môn học lại do thi không đạt (chủ yếu là các môn học bắt buộc), HVCH phải đóng học phí học lại cho môn đó theo mức quy định của Trường.
- Phí gia hạn: sau thời gian học chính thức 2 năm, HVCH muốn gia hạn năm nhất phải đóng phí 20% học phí năm học được xác định theo thông báo của Trường về mức thu học phí, thời điểm học viên xin gia hạn học tập. HVCH muốn gia hạn năm hai phải đóng phí 25% học phí năm học

được xác định theo thông báo của Trường về mức thu học phí, thời điểm học viên xin gia hạn học tập.

- Phí tổ chức và cấp bằng tốt nghiệp dự kiến: 600,000 - thu một lần khi tổ chức lễ tốt nghiệp (tùy theo mức phí hiện hành trong năm).

13. Nhiệm vụ và quyền của HVCH

13.1. Nhiệm vụ của HVCH

- Thực hiện kế hoạch học tập, đào tạo theo năm học đã được Trường phê duyệt chương trình học tập (tham gia đầy đủ các buổi lên lớp) và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định của Trường; thường xuyên cập nhật các thông tin về quá trình đào tạo trên website Trường.
- Hoàn thành CTĐT, chấp hành nội quy, quy chế, quy định về ĐTThS của Trường ĐH CNTT, ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT.
- Ngay sau khi có Quyết định giao đề tài luận văn tốt nghiệp, HVCH thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, xin ý kiến người hướng dẫn để thực hiện luận văn đúng thời hạn.
- Thực hiện báo cáo giữa kỳ (3 tháng sau khi nhận đề tài) tiến trình hoàn thành luận văn có xác nhận của người hướng dẫn luận văn gửi ĐVĐT để báo cáo, nộp ĐVQL. Nếu không thực hiện báo cáo giữa kỳ, HVCH phải có giải trình với ĐVQL.

- Trong khoảng thời gian 1 tháng trước khi hết thời hạn hoàn thành luận văn, nếu HVCH nhận thấy không kịp hoàn thành luận văn theo tiến độ phải làm đơn xin gia hạn luận văn trong đó trình bày lý do chính đáng vì sao không hoàn thành luận văn đúng tiến độ, kế hoạch hoàn thành luận văn được gia hạn có xác nhận của người hướng dẫn, Trưởng ĐVĐT và nộp ĐVQL xem xét giải quyết, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính phát sinh.
- Đóng nộp đầy đủ học phí và kinh phí đào tạo theo quy định bao gồm cả học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần 2 hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định của Trường ĐH CNTT. Những HVCH chưa nộp học phí sẽ bị gạch tên trong danh sách dự thi học phần và không có điểm của tất cả các môn học và sẽ bị buộc thôi học.
- Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường.
- Giữ gìn và bảo vệ tài sản của cơ sở đào tạo.

13.2. Quyền của HVCH

- Được quyền xin cấp các loại bằng xác nhận điểm môn học, xác nhận HVCH.
- Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

- Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất theo quy định của Trường cho việc học tập nghiên cứu trong ĐTThS.
- Được đề nghị ĐVĐT và ĐVQL thay người hướng dẫn LV nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và người hướng dẫn, mà HV không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc HV không nhận được sự hướng dẫn đề tài LV.
- Được phản hồi ý kiến với những người có thẩm quyền của Trường về CTĐT, về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cán bộ quản lý và hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý ĐTThS.
- Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường ĐH CNTT.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

14. Tài nguyên học tập

- Moodle Sau đại học:
<https://courses.uit.edu.vn/sdh/login/index.php>
- Thư viện:
<http://thuvien.uit.edu.vn/news/Lists/tinhoatdong/DispForm.aspx?PageIndex=0&ID=250&InitialTabId=Ribbon.Read>

- Làm thẻ thư viện, thẻ HVCH, Cấp tài khoản và email cá nhân cho từng HVCH để sử dụng trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hướng dẫn đăng kí thư viện:
- <https://sdh.uit.edu.vn/bai-viet/huong-dan-cach-dang-ky-thu-vien>

15. Hỗ trợ Nghiên cứu Khoa học

- HVCH có nguyện vọng làm nghiên cứu trong giờ hành chính có thể đăng ký tại Phòng ĐTSĐH&KH-CN.
- Các HVCH có thể tham gia nghiên cứu trong các đề tài NCKH.
- Được cấp học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ kinh phí công bố khoa học theo quy định của Trường.

16. Thông tin liên hệ của Phòng ĐTSĐH&KH-CN:

- Email: qlsdh@uit.edu.vn
- Website: <http://sdh.uit.edu.vn>
- Fanpage: <https://www.facebook.com/saudaihoc.uit/>
- Liên lạc:
 - Văn phòng tại TP. HCM (VP-NBK): 07-09 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.
 - Cơ sở Thủ Đức (CS-TĐ): (028) 3725-2002- số nội bộ: 110. Địa chỉ: P. A106, Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

TT	Nội dung	Chuyên viên phụ trách
1	Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ (đề cương nghiên cứu, bảo vệ luận văn thạc sĩ, tốt nghiệp)	ThS. Nguyễn Thị Diễm Thúy Email: thuyntd@uit.edu.vn
2	Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ (tuyển sinh, tiếp nhận đơn từ HVCH)	ThS. Đỗ Thị Tuyết Minh Email: minhdttd@uit.edu.vn
3	Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ (lớp học, đăng ký môn học, thi kết thúc học phần, thời khóa biểu, điểm thi)	ThS. Võ Thị Kim Cương Email: cuongvtk@uit.edu.vn
4	Quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ	Nguyễn Minh Linh Email: linhnm@uit.edu.vn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

THẠC SĨ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	Mã môn học	Học phần	Số TC	LT	TH	HK
Kiến thức chung (≥ 3 TC)						
Môn học bắt buộc						
1.	PH2001	Triết học	3	3	0	1
Môn học tự chọn						
2.	MA2001	Toán học	3	3	0	1
Kiến thức cơ sở (4 TC)						
3.	CS2205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	1
4.	CS3205	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2	2	0	2
Luận văn tốt nghiệp (53 TC)						
5.	IT4001	Luận văn theo chương trình nghiên cứu phương thức 1	53	53	0	4

Chương trình nghiên cứu – Phương thức 2

STT	Mã môn học	Học phần	Số TC	LT	TH	HK
Kiến thức chung (≥ 3 TC)						
Môn học bắt buộc						
1.	PH2001	Triết học	3	3	0	1
Môn học tự chọn						
2.	MA2001	Toán học	3	3	0	1
Kiến thức cơ sở (2 TC)						
3.	CS2205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	1
Kiến thức chuyên ngành (≥ 28 TC) - HV chọn học và tích lũy tối thiểu 28 TC						
4.	IT2002	Công nghệ phần mềm tiên tiến	3	2	1	2, 3
5.	IT2003	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	4	3	1	2, 3

6.	IT2004	Công nghệ máy tính hiện đại	4	3	1	2, 3
7.	IT2005	Quản lý hệ thống CNTT	3	2	1	2, 3
8.	IT2011	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	2	2	2, 3
9.	NT2102	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	4	3	1	2, 3
10.	IT2007	Các chủ đề nâng cao trong an ninh máy tính	3	2	1	2, 3
11.	IT2028	An toàn mạng không dây di động	3	2	1	2, 3
12.	IT2009	Phân tích an ninh cho các giao thức mạng	3	2	1	2, 3
13.	IT2010	Pháp chứng số trên máy tính và mạng	3	2	1	2, 3
14.	IT2008	Bảo mật hệ thống di động nâng cao	3	2	1	2, 3
15.	IT2029	Các kỹ thuật phân tích mã độc nâng cao	3	2	1	2, 3
16.	IT2030	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	3	2	1	2, 3
17.	CS2208	Hệ hỗ trợ quyết định	3	2	1	2, 3
18.	IT2015	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	1	2, 3
19.	IT2034	Xử lý dữ liệu lớn	4	3	1	2, 3
20.	IT2035	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	3	1	2, 3
21.	IT2036	Phân tích dữ liệu lớn	3	3	0	2, 3
22.	IT2037	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	2	1	2, 3
23.	IT2038	Khoa học dữ liệu ảnh: Nền tảng và Ứng dụng	3	2	1	2, 3
24.	IT2018	Lập trình hệ thống với Java	3	2	1	2, 3
25.	IT2019	Tương tác người - máy	3	2	1	2, 3
26.	IT2020	Các hệ thống nhúng	3	2	1	2, 3
27.	IT2021	Xử lý tín hiệu số nâng cao	3	2	1	2, 3
28.	IT2032	Công nghệ Internet of things hiện đại	3	2	1	2, 3

29.	IT2033	Ẩn thông tin trên dữ liệu số và ứng dụng	3	2	1	2, 3
Các chuyên đề nghiên cứu (12 TC) - HV chọn học và tích lũy tối thiểu 12 TC nghiên cứu khoa học						
30.	IT3001	Chuyên đề nghiên cứu về Tính toán song song và phân tán	4	3	1	2,3, 4
31.	IT3002	Chuyên đề nghiên cứu về Phân tích và dự báo dữ liệu sử dụng học sâu	4	3	1	2,3, 4
32.	IT3003	Chuyên đề nghiên cứu về Phân loại mã độc	4	3	1	2,3, 4
33.	IT3004	Chuyên đề nghiên cứu về Hệ thống phát hiện xâm nhập	4	3	1	2,3, 4
34.	IT3005	Chuyên đề nghiên cứu về Các cơ sở dữ liệu hiện đại	4	3	1	2,3, 4
35.	CS2308	Chuyên đề nghiên cứu về Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	3	1	2,3, 4
Luận văn tốt nghiệp (15 TC)						
36.	IT4002	Luận văn theo chương trình nghiên cứu phương thức 2	15	15	0	4

Chương trình ứng dụng

ST T	Mã môn học	Học phần	Số TC	LT	TH	HK
Kiến thức chung (≥ 3 TC)						
Môn học bắt buộc						
1.	PH2001	Triết học	3	3	0	1
Môn học tự chọn						
2.	MA2001	Toán học	3	3	0	1
Kiến thức cơ sở (2 TC)						
3.	CS2205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	1
Kiến thức chuyên ngành (≥ 43 TC) - HV chọn học và tích lũy tối thiểu 43 TC						
4.	IT2002	Công nghệ phần mềm tiên tiến	3	2	1	2, 3

5.	IT2003	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	4	3	1	2, 3
6.	IT2004	Công nghệ máy tính hiện đại	4	3	1	2, 3
7.	IT2005	Quản lý hệ thống CNTT	3	2	1	2, 3
8.	IT2011	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	2	2	2, 3
9.	NT2102	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	4	3	1	2, 3
10.	IT2007	Các chủ đề nâng cao trong an ninh máy tính	3	2	1	2, 3
11.	IT2028	An toàn mạng không dây di động	3	2	1	2, 3
12.	IT2009	Phân tích an ninh cho các giao thức mạng	3	2	1	2, 3
13.	IT2010	Pháp chứng số trên máy tính và mạng	3	2	1	2, 3
14.	IT2008	Bảo mật hệ thống di động nâng cao	3	2	1	2, 3
15.	IT2029	Các kỹ thuật phân tích mã độc nâng cao	3	2	1	2, 3
16.	IT2030	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	3	2	1	2, 3
17.	CS2208	Hệ hỗ trợ quyết định	3	2	1	2, 3
18.	IT2015	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	1	2, 3
19.	IT2034	Xử lý dữ liệu lớn	4	3	1	2, 3
20.	IT2035	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	3	1	2, 3
21.	IT2036	Phân tích dữ liệu lớn	3	3	0	2, 3
22.	IT2037	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	2	1	2, 3
23.	IT2038	Khoa học dữ liệu ảnh: Nền tảng và Ứng dụng	3	2	1	2, 3
24.	IT2018	Lập trình hệ thống với Java	3	2	1	2, 3
25.	IT2019	Tương tác người - máy	3	2	1	2, 3
26.	IT2020	Các hệ thống nhúng	3	2	1	2, 3
27.	IT2021	Xử lý tín hiệu số nâng cao	3	2	1	2, 3
28.	IT2032	Công nghệ Internet of things hiện đại	3	2	1	2, 3
29.	IT2033	Ấn thông tin trên dữ liệu số và ứng dụng	3	2	1	2, 3
Luận văn tốt nghiệp (12TC)						
30.	IT4003	Luận văn theo chương trình ứng dụng	12	12	0	4

Chú ý:

- Các môn chuyên ngành có thể chọn trong CTĐT Thạc sĩ các ngành đào tạo Thạc sĩ khác tại Trường ĐH CNTT tối đa là 12 tín chỉ.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH

Chương trình nghiên cứu – Phương thức 1

STT	Mã môn học	Học phần	Số TC	LT	TH	HK
Kiến thức chung (≥ 3 TC)						
<ul style="list-style-type: none"> - Triết học là môn học bắt buộc thuộc khối Kiến thức chung. - HV có thể chọn học môn Toán. 						
1	PH2001	Triết học	3	3	0	1
2	MA2001	Toán học	4	4	0	1
Kiến thức cơ sở (4 TC)						
3	CS2205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	1
4	CS3205	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2	2	0	2
Luận văn tốt nghiệp (53 TC)						
5	CS2505	Luận văn tốt nghiệp hướng nghiên cứu phương thức 1	53	53	0	2

Chương trình nghiên cứu – Phương thức 2

STT	Mã môn học	Học phần	Số TC	LT	TH	HK
Kiến thức chung (≥ 3 TC)						
<ul style="list-style-type: none"> - Triết học là môn học bắt buộc thuộc khối Kiến thức chung. - HV có thể chọn học môn Toán. 						
1	PH2001	Triết học	3	3	0	1
2	MA2001	Toán học	4	4	0	1
Kiến thức cơ sở (2 TC)						
3	CS2205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	1
Kiến thức chuyên ngành (≥ 28 TC)						
- HV chọn học và tích lũy tối thiểu 28 TC						

4	NT2102	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	4	4	0	2, 3
5	IT2011	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	4	0	2, 3
6	IT2021	Xử lý tín hiệu số nâng cao	3	3	0	2, 3
7	IT2030	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	3	3	0	2, 3
8	CS2201	Biểu diễn tri thức và suy luận	4	4	0	2, 3
9	CS2202	Ngôn ngữ học máy tính	4	4	0	2, 3
10	CS2203	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	4	4	0	2, 3
11	CS2207	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	4	0	2, 3
12	CS2208	Hệ hỗ trợ quyết định	3	3	0	2, 3
13	CS2209	Dịch máy	3	3	0	2, 3
14	CS2213	Xử lý tiếng nói và giao tiếp người máy	3	3	0	2, 3
15	CS2215	Điện toán lưới và đám mây	3	3	0	2, 3
16	CS2218	Lý thuyết mã hóa thông tin	3	3	0	2, 3
17	CS2223	Nguyên lý và phương pháp lập trình	3	3	0	2, 3
18	CS2224	Tìm kiếm thông tin thị giác	3	3	0	2, 3
19	CS2225	Nhận dạng thị giác và ứng dụng	3	3	0	2, 3
20	CS2226	Ontology và ứng dụng	3	3	0	2, 3
21	CS2227	Máy học trong xử lý dữ liệu Y khoa	4	4	0	2, 3
22	CS2228	Các thuật toán tiến hóa	4	4	0	2, 3
23	CS2229	Thuật toán và lý thuyết máy học	4	4	0	2, 3
24	CS2230	Các mô hình học sâu và ứng dụng	3	3	0	2, 3
25	CS2231	Mô hình tri thức quan hệ và ứng dụng	3	3	0	2, 3

Các chuyên đề nghiên cứu (≥ 12 TC)

- HV chọn học và tích lũy tối thiểu 12 TC nghiên cứu khoa học

26	CS2307	Chuyên đề nghiên cứu về công nghệ tri thức	4	3	1	2,3,4
27	CS2308	Chuyên đề nghiên cứu về xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	3	1	2,3,4
28	CS2309	Chuyên đề nghiên cứu về thị giác máy tính	4	3	1	2,3,4
29	CS2310	Chuyên đề nghiên cứu về máy học và trí tuệ nhân tạo	4	3	1	2,3,4
30	CS2311	Chuyên đề nghiên cứu về một số vấn đề chọn lọc trong khoa học máy tính	4	3	1	2,3,4

Luận văn tốt nghiệp (15 TC)

31	CS2506	Luận văn tốt nghiệp hướng nghiên cứu phương thức 2	15	15	0	4
----	--------	--	----	----	---	---

Chương trình ứng dụng

STT	Mã môn học	Học phần	Số TC	LT	TH	HK
Kiến thức chung (≥ 3 TC)						

<ul style="list-style-type: none"> - Triết học là môn học bắt buộc thuộc khối Kiến thức chung. - HV có thể chọn học môn Toán. 						
1	PH2001	Triết học	3	3	0	1
2	MA2001	Toán học	4	4	0	1
Kiến thức cơ sở (2 TC)						
3	CS2205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	1
Kiến thức chuyên ngành (≥ 43 TC)						
- HV chọn học và tích lũy tối thiểu 43 TC						
4	NT2102	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	4	4	0	2, 3
5	IT2011	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	4	0	2, 3
6	IT2021	Xử lý tín hiệu số nâng cao	3	3	0	2, 3
7	IT2030	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	3	3	0	2, 3
8	CS2201	Biểu diễn tri thức và suy luận	4	4	0	2, 3
9	CS2202	Ngôn ngữ học máy tính	4	4	0	2, 3
10	CS2203	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	4	4	0	2, 3
11	CS2207	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	4	0	2, 3
12	CS2208	Hệ hỗ trợ quyết định	3	3	0	2, 3
13	CS2209	Dịch máy	3	3	0	2, 3
14	CS2213	Xử lý tiếng nói và giao tiếp người máy	3	3	0	2, 3
15	CS2215	Điện toán lưới và đám mây	3	3	0	2, 3
16	CS2218	Lý thuyết mã hóa thông tin	3	3	0	2, 3
17	CS2223	Nguyên lý và phương pháp lập trình	3	3	0	2, 3
18	CS2224	Tìm kiếm thông tin thị giác	3	3	0	2, 3
19	CS2225	Nhận dạng thị giác và ứng dụng	3	3	0	2, 3
20	CS2226	Ontology và ứng dụng	3	3	0	2, 3
21	CS2227	Máy học trong xử lý dữ liệu Y khoa	4	4	0	2, 3
22	CS2228	Các thuật toán tiến hóa	4	4	0	2, 3
23	CS2229	Thuật toán và lý thuyết máy học	4	4	0	2, 3
24	CS2230	Các mô hình học sâu và ứng dụng	3	3	0	2, 3
25	CS2231	Mô hình tri thức quan hệ và ứng dụng	3	3	0	2, 3
Luận văn tốt nghiệp (12 TC)						
26	CS2501	Luận văn tốt nghiệp hướng ứng dụng	12	12	0	4

Ghi chú:

- Học viên được phép chọn và tích lũy các môn học từ các CTĐT thạc sĩ khác của Trường để làm môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhưng không quá 12 TC.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

THẠC SĨ NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN

T	Mã môn học	Học kỳ	Tên môn học	Số tín chỉ		
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành *
A			Kiến thức chung	3 TC		
1.	PH2001	I	Triết học (bắt buộc)	3	3	0
2.	MA2001	I	Toán học (tự chọn)	4	4	0
3.	ENG		Ngoại ngữ (Tiếng Anh)			
B			Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	NC – PT1: >=4 TC NC – PT2: >=30 TC UD: >=45 TC		
I			Môn học bắt buộc (theo CT, PT)	NC – PT1: >=4 TC NC – PT2: >=9 TC UD: >=9 TC		
4.	CS3205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2	2	0
5.	CS2205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
6.	IS6002	I	Hệ cơ sở dữ liệu tiên tiến	4	3	1
7.	IS6003	I	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao	3	2	1
II			Môn học tự chọn	NC – PT2: >=21 TC UD: >=36 TC		
			Môn tự chọn chung			
8.	IS6101	II	Hệ kinh doanh điện tử	4	3	1
9.	IS6102	II	Công nghệ thương mại điện tử	4	3	1
10.	IT2030	II	Hệ thống thông tin địa lý nâng cao	3	2	1
11.	IS6104	II	Hệ thống thông tin đa phương tiện	4	3	1
12.	IS6105	II	Công nghệ Blockchain	4	3	1
13.	IS6107	II	Lý thuyết thông tin	4	3	1
14.	IS6108	II	Phân tích dữ liệu lớn và điện toán đám mây	4	3	1

15.	IS6103	II	Xây dựng hệ thống phần mềm di động	4	3	1
16.	IS6109	II	Học sâu và Ứng dụng trong kinh doanh	3	2	1
17.		III	Học phần tự chọn từ các CTĐT thạc sĩ khác của Trường Đại học Công nghệ Thông tin, được tích lũy tối đa 12 tín chỉ.			
			Môn tự chọn chuyên ngành			
Chuyên ngành		Quản trị Hệ thống thông tin				
18.	IS6201	III	Kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp	4	3	1
19.	CS2208	III	Hệ hỗ trợ quyết định	3	3	0
20.	IS6203	III	Hoạch định và quản trị chiến lược CNTT	4	3	1
Chuyên ngành		Hệ thống thông tin quản lý				
21.	IS6301	III	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nâng cao	4	3	1
22.	IS6302	III	Quản lý hệ thống thông tin	4	3	1
23.	IT2006	III	An toàn bảo mật thông tin	3	2	1
Chuyên ngành		Phân tích dữ liệu				
24.	IS6402	III	Quản trị CNTT và quản lý rủi ro	4	3	1
25.	IS6403	III	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	2	1
26.	IS6404	III	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao	4	3	1
C			Nghiên cứu khoa học	NC – PT2: >= 12 TC		
27.	IS6501	III	Chuyên đề nghiên cứu về Hệ thống thông tin tiên tiến	4	3	1
28.	IS6502	III	Chuyên đề nghiên cứu về Phân tích dữ liệu	4	3	1
29.	IS6503	III	Chuyên đề nghiên cứu về Quản trị Hệ thống Thông tin	4	3	1
30.	IS6504	III	Đồ án chuyên ngành Hệ thống Thông tin thông minh	4	3	1
31.	IS6505	III	Đồ án chuyên ngành Phân tích dữ liệu	4	3	1
32.	IS6506	III	Đồ án chuyên ngành Quản trị Hệ thống Thông tin tiên tiến	4	3	1

D			Luận văn			
33.	IS6801	IV	Luận văn theo chương trình NC-PT1	53		
34.	IS6802	IV	Luận văn theo chương trình NC-PT2	15		
35.	IS6803	IV	Luận văn theo chương trình UD-PT1	12		
			Tổng cộng	≥60 TC		

(*): Thực hành có thể là bài tập, thực tập, tiểu luận, seminar, ...

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH
I. Khối kiến thức chung						
1	PH2001	I	Triết học	3	3	0
Kiến thức chung tự chọn						
2	MA2001	I	Toán học	4	4	0
II. Phần kiến thức cơ sở						
3	CS2205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
4	CS3205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2	2	0
III. Kiến thức chuyên ngành						
Các học phần bắt buộc						

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH
5	IT2003	I	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	4	3	1
6	NT2102	I	An toàn bảo mật hệ thống thông tin	4	3	1
7	IT2004	II	Công nghệ máy tính hiện đại	4	3	1
Các học phần tự chọn						
8	NT2201	II, III, IV	An toàn ứng dụng và hệ thống	4	3	1
9	NT2202	II, III, IV	Cơ chế hoạt động mã độc nâng cao	4	3	1
10	NT2203	II, III, IV	Công nghệ IoTs nâng cao	4	3	1
11	NT2204	II, III, IV	Hệ tính toán phân bố nâng cao	4	3	1
12	NT2205	II, III, IV	Mật mã và ứng dụng	4	3	1
13	NT2206	II, III, IV	Mạng không dây thế hệ mới	4	3	1
14	NT2207	II, III, IV	Pháp chứng số trên máy tính và mạng	4	3	1
15	NT2208	II, III, IV	Thiết kế antenna nâng cao	4	3	1
16	NT2209	II, III, IV	Quản lý an toàn thông tin trong doanh nghiệp	4	3	1

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH
17	NT2210	II, III, IV	Công nghệ robots-tự động hóa hiện đại	4	3	1
18	NT2211	II, III, IV	Máy học trong bảo mật mạng và hệ thống	4	3	1
19	NT2212	II, III, IV	Thiết kế VHDL và lập trình FPGA	4	3	1
20	IT2028	II, III, IV	An toàn mạng không dây di động	3	2	1
21	IT2029	II, III, IV	Các kỹ thuật phân tích mã độc nâng cao	3	2	1
22	IT2033	II, III, IV	Ản thông tin trên dữ liệu số và ứng dụng	3	2	1
23	IT2034	II, III, IV	Xử lý dữ liệu lớn	3	2	1
IV. Chuyên đề, Đồ án						
24	NT2301	IV	Chuyên đề nghiên cứu 01	3	3	0
25	NT2302	IV	Chuyên đề nghiên cứu 02	3	3	0
26	NT2303	IV	Chuyên đề nghiên cứu 03	3	3	0
27	NT2304	IV	Đồ án chuyên ngành	4	4	0
			Và các môn học khác được cập nhật theo đề nghị của Khoa.			
V. Luận văn tốt nghiệp						

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH
28	NT2501	V	Luận văn tốt nghiệp chương trình ứng dụng	12	12	0
29	NT2502	V	Luận văn tốt nghiệp chương trình nghiên cứu – Phương thức 2	15	15	0
30	NT2503	III, IV, V	Luận văn tốt nghiệp chương trình nghiên cứu – Phương thức 1	53	53	0

Ghi chú:

- Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành là các môn học tự chọn.
- Học viên có thể chọn học các môn học trong chương trình đào tạo Thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin để làm môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhưng không quá 12 tín chỉ.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

THẠC SĨ NGÀNH KỸ THUẬT MÁY TÍNH

KHỐI KIẾN THỨC		SỐ TÍN CHỈ			GHI CHÚ
		Chương trình nghiên cứu		Chương trình ứng dụng	
		PT1	PT2		
Kiến thức chung	Triết học	3 TC	3 TC	3 TC	
Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	Kiến thức cơ sở	PPNCKH (2TC) Toán học cho KTMT (3TC) Kỹ thuật Hệ thống máy tính NC (3TC) Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (3TC)	PPNCKH (2TC) Toán học cho KTMT (3TC) Kỹ thuật Hệ thống máy tính NC (3TC) Kỹ năng quản lý và lãnh đạo (3TC)		
	Kiến thức chuyên ngành		>= 19 TC	>= 34 TC	
LV tốt nghiệp		53 TC	15 TC	12 TC	

Nghiên cứu khoa học (Đề án, chuyên đề nghiên cứu)		≥ 12 TC		
Tổng cộng	60 TC	≥ 60 TC	≥ 60 TC	

8.2 Danh mục các môn học

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH/ĐA/ BTL/TN ¹
I. Khối kiến thức chung						
1	PH2001	I	Triết học	3	3	0
Kiến thức chung tự chọn						
2	CE2001	1	Toán học cho Kỹ thuật máy tính	3	3	0
II. Phần kiến thức cơ sở						
3	CS2205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
4	CS3205	I	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	2	2	0
III. Kiến thức chuyên ngành						
Các học phần bắt buộc						
5	CE2100	1	Kỹ thuật hệ thống máy tính nâng cao	3	3	0
6	CE2002	1	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo cho KTMT	3	3	0
7	CE2101	2	Thiết kế VLSI nâng cao	4	3	1
8	CE2102	2	Thiết kế ASIC nâng cao	4	3	1
9	CE2103	2	Công nghệ Hệ thống nhúng tiên tiến	4	3	1

¹ Thực hành/Đồ án môn học/Bài tập lớn/Thí nghiệm

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH/ĐA/BTL/TN ¹
10	CE2104	2	Công nghệ IoT tiên tiến	4	3	1
Các học phần tự chọn						
11	CE2202	3,4	Quy trình chế tạo vi mạch bán dẫn	4	3	1
12	CE2203	3,4	Công nghệ đóng gói vi mạch hiện đại	4	3	1
13	CE2204	3,4	Công nghệ thiết kế SoC hướng AioT	4	3	1
14	CE2205	3,4	Thiết kế vi mạch hỗn hợp nâng cao	4	3	1
15	CE2206	3,4	Công nghệ điện đám mây và điện toán biên	4	3	1
16	CE2207	3,4	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tổng quát	4	3	1
17	CE2208	3,4	Lập trình hệ thống song song với GPU	4	3	1
IV. Chuyên đề, Đồ án						
18	CE2300	3,4	Chuyên đề nghiên cứu khoa học	4	0	4
19	CE2200	3,4	Đề án nghiên cứu định hướng HTN&IoT	4 ²	3 /0	1/4
20	CE2201	3,4	Đề án nghiên cứu định hướng TKVM	4 ³	3/0	1/4
			Và các môn học khác được cập nhật theo đề nghị của Khoa.			
V. Luận văn tốt nghiệp						
21	CE2301	4	Luận văn tốt nghiệp định hướng nghiên cứu (Phương thức 1)	53	0	53

² Tín chỉ này cho phép học viên đăng ký các môn học chuyên đề nghiên cứu xét tương đương và các môn học tự chọn chuyên ngành

³ Tín chỉ này cho phép học viên đăng ký các môn học chuyên đề nghiên cứu xét tương đương và các môn học tự chọn chuyên ngành

STT	Mã môn học	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH/ĐA/BTL/TN ¹
22	CE2302	4	Luận văn tốt nghiệp định hướng nghiên cứu (Phương thức 2)	15	0	15
23	CE2303	4	Luận văn tốt nghiệp định hướng ứng dụng	12	0	12

Ghi chú:

- Các môn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành có thể được bổ sung thông qua Hội đồng khoa học Khoa Kỹ thuật Máy tính.
- Học viên có thể chọn học môn học chuyên ngành trong CTĐT trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ của các ngành khác trong Trường ĐH CNTT để tích lũy tín chỉ, thay thế cho tín chỉ tự chọn chuyên ngành. Tổng số tín chỉ thay thế tối đa là 12 tín chỉ. Học viên có thể tham khảo danh sách môn học trong *Bảng danh sách các môn học tự chọn chuyên ngành thay thế thuộc các CTĐT thạc sĩ khác tại Trường ĐH CNTT* về các môn học tự chọn chuyên ngành thay thế hoặc liên hệ Khoa phụ trách để được hướng dẫn cụ thể.
- Môn tự chọn CE2200, CE2201 là môn học có tính cập nhật sự phát triển của công nghệ. Môn học này cho phép học viên cao học lựa chọn các chủ đề mới về công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng... để nghiên cứu và trình bày tại lớp học, hoặc các hội thảo chuyên đề.
- Danh sách môn học được phép chuyển đổi từ các CTĐT bậc thạc sĩ thuộc các ngành khác tại ĐH Công nghệ Thông tin sang CTĐT thạc sĩ ngành KTMT xem *Bảng danh sách môn học tương đương từ các CTĐT thạc sĩ khác tại Trường ĐH CNTT sang CTĐT thạc sĩ ngành KTMT*. Học viên muốn chuyển đổi các môn học phải làm đơn và được phê duyệt bởi Trường khoa theo quy định.
- Điều kiện đầu ra của học phần Luận văn tốt nghiệp định hướng nghiên cứu (Phương thức 1): học viên phải là tác giả chính của tối thiểu một bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí quốc tế SCI/SCIE hoặc Scopus (có xếp hạng tối thiểu Q2 theo bảng xếp hạng SCImago hoặc Hội nghị quốc tế xếp hạng A/B/C tương

đương) phù hợp với lĩnh vực của đề tài nghiên cứu. Học viên tham khảo chi tiết nội dung và yêu cầu của học phần trong đề cương chi tiết.

– Điều kiện đầu ra của học phần Luận văn tốt nghiệp định hướng nghiên cứu (Phương thức 2): học viên phải là tác giả chính của tối thiểu một bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí quốc tế (có xếp hạng tối thiểu Q4 theo bảng xếp hạng SCImago hoặc tương đương) hoặc hội nghị quốc tế có phản biện phù hợp với lĩnh vực của đề tài. Học viên tham khảo chi tiết nội dung và yêu cầu của học phần trong đề cương chi tiết.

– Điều kiện đầu ra của học phần Luận văn tốt nghiệp định hướng ứng dụng: học viên phải là tác giả chính của tối thiểu một giải pháp/sản phẩm ứng dụng phù hợp với lĩnh vực theo học. Học viên tham khảo chi tiết nội dung và yêu cầu của học phần trong đề cương chi tiết.

Danh sách các môn học tự chọn chuyên ngành thay thế thuộc các CTĐT thạc sĩ khác tại Trường ĐH CNTT

STT	Mã MH	Tên môn học	Loại MH	Số TC	Ngành đào tạo
1	IT2003	Công nghệ mạng và truyền thông hiện đại	Tự chọn	4	Thạc sĩ ngành CNTT
2	IT2034	Xử lý dữ liệu lớn	Tự chọn	4	Thạc sĩ ngành CNTT
3	NT2102	An toàn bảo mật hệ thống thông tin	Tự chọn	4	Thạc sĩ ngành ATTT
4	NT2201	An toàn ứng dụng và hệ thống	Tự chọn	4	Thạc sĩ ngành ATTT
5	NT2204	Hệ tính toán phân bố nâng cao	Tự chọn	4	Thạc sĩ ngành ATTT
6	NT2210	Công nghệ robots-tự động hóa hiện đại	Tự chọn	4	Thạc sĩ

					ngành ATTT
7	NT2212	Thiết kế VHDL và lập trình FPGA	Tự chọn	4	Thạc sĩ ngành ATTT

**Danh sách môn học tương đương từ các CTĐT thạc sĩ khác tại Trường ĐH
CNTT sang CTĐT thạc sĩ ngành KTMT**

STT	Môn học thuộc ngành KTMT		Môn học tương đương		
	Mã MH	Tên môn học	Mã MH	Tên MH	Thuộc CTĐT
1	CE2001	Toán học cho Kỹ thuật máy tính	MA2001	Toán học	Môn học chung của các ngành
2	CE2103	Công nghệ hệ thống nhúng tiên tiến	IT2004	Công nghệ máy tính hiện đại	Ngành CNTT
3	CE2104	Công nghệ IoT tiên tiến	NT2202	Công nghệ IoT nâng cao	Ngành ATTT

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CAO HỌC KHÓA 20 ĐỢT 1 (2025-2027)

Tháng (năm)	8/2025	9/2025	10/2025	11/2025	12/2025	1/2026	2/2026	3/2026	4/2026	5/2026	6/2026	7/2026	8/2026
Tháng (khóa học)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Học kì 1				Học kì 2				Học kì 3				
Tháng (năm)	8/2026	9/2026	10/2026	11/2026	12/2026	1/2027	2/2027	3/2027	4/2027	5/2027	6/2027	7/2027	8/2027
Tháng (khóa học)	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
	Xét duyệt đề cương, giao đề tài				Làm luận văn						Nộp luận văn	Bảo vệ luận văn	Tốt nghiệp

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CAO HỌC KHÓA 20 ĐỢT 2 (2025-2027)

Tháng (năm)	12/2025	1/2026	2/2026	3/2026	4/2026	5/2026	6/2026	7/2026	8/2026	9/2026	10/2026	11/2026	12/2026
Tháng (khóa học)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Học kì 1				Học kì 2				Học kì 3				
Tháng (năm)	12/2026	1/2027	2/2027	3/2027	4/2027	5/2027	6/2027	7/2027	8/2027	9/2027	10/2027	11/2027	12/2027
Tháng (khóa học)	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
	Xét duyệt đề cương, giao đề tài				Làm luận văn						Nộp luận văn	Bảo vệ luận văn	Tốt nghệp

PHỤ LỤC

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC GIA HẠN BẢO VỆ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Thời gian chính thức thực hiện Luận văn thạc sĩ (LVThS) được tính từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định giao đề tài và phân công Cán bộ hướng dẫn (CBHD) trong vòng 06 tháng. Sau thời hạn cho phép nếu học viên không hoàn thành luận văn thạc sĩ theo thời hạn quy định trong quyết định giao đề tài phải làm đơn xin gia hạn bảo vệ.

1. Điều kiện xin gia hạn bảo vệ luận văn:

Việc xem xét gia hạn chỉ thực hiện khi học viên có lý do chính đáng. Hồ sơ xét gia hạn bao gồm:

- Đơn xin gia hạn của học viên (mẫu) có ý kiến đề nghị của người hướng dẫn, được Phòng ĐTSĐH&KHCN thông qua.
 - Đính kèm các minh chứng về nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài luận văn.
 - Hoàn tất học phí theo quy định.
2. Thời gian gia hạn tối đa là hai lần, mỗi lần 06 tháng, tổng thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng và không vượt quá thời gian gia hạn đào tạo quy định là gấp 02 thời gian đào tạo chính thức đối với khóa học (bao gồm cả thời gian gia hạn trước đó nếu có).
3. Học viên có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của Trường.
4. Trường hợp không thực hiện đề tài luận văn đã được giao, học viên phải:
- Nộp đơn đăng ký nhận đề tài ở đợt giao đề tài tiếp theo.
 - Đóng học phí thực hiện đăng ký xét duyệt đề tài lần 2 theo quy định.

Nơi nhận:

- HVCH,
- ĐVCM;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐTSĐH&KHCN
(đã ký)

Lê Đình Duy

Số: 605 /QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định Công tác Cố vấn học tập trong chương trình
đào tạo thạc sĩ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy định Công tác Cố vấn học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ**” tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa có liên quan, các cán bộ, viên chức và giảng viên trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

QUY ĐỊNH

Về công tác Cố vấn học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ

*(Ban hành theo Quyết định số: 605 /QĐ-ĐHCNTT, ngày 08 tháng 08 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

Mục lục

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2.	Mục đích của công tác CVHT	5
Điều 3.	Tiêu chuẩn của CVHT	5
Điều 4.	Nhiệm vụ CVHT	5
Điều 5.	Quyền hạn của CVHT.....	6
Điều 6.	Quyền lợi của CVHT	6
Điều 7.	Khen thưởng và Kỷ luật.....	6
Điều 8.	Điều khoản thi hành	7
Phụ lục 1.	Bảng Tổng hợp CVHT của các khoa	7
Phụ lục 2.	Thông tin cá nhân học viên được cung cấp cho CVHT	8

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo

ĐH CNTT: Đại học Công nghệ Thông tin

Trường: Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Hiệu trưởng: Hiệu trưởng hoặc người được ủy quyền

Khoa: Các khoa, bộ môn trực thuộc Trường

P. ĐTSĐH&KH-CN: Phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa học Công nghệ

CVHT: Cố vấn học tập

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định chế độ làm việc đối với viên chức, người lao động được phân công làm công tác cố vấn học tập (CVHT) cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ hệ chính quy của Trường.

Mục đích của công tác CVHT

1. Công tác CVHT giúp Trường, lãnh đạo các Khoa, Bộ môn và các đơn vị chức năng trong công tác hỗ trợ và quản lý học viên, cụ thể: CVHT theo dõi, nắm bắt tình hình của lớp, của học viên; kịp thời đề xuất biện pháp xử lý đối với những tình huống phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của học viên.
2. Tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ học viên thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, nghiên cứu trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường.

Tiêu chuẩn của CVHT

1. Là giảng viên có trình độ từ thạc sĩ hoặc nghiên cứu sinh đã ký Hợp đồng thời hạn từ 1 năm trở lên và đang làm việc trực tiếp tại Trường.
2. Có tinh thần trách nhiệm cao, hiểu và nắm rõ các quy chế của Bộ GD&ĐT; các quy chế, quy định, thông báo của Trường liên quan việc học tập, nghiên cứu của học viên.
3. Được Khoa/Đơn vị chuyên môn phân công công tác CVHT (Khoa đề xuất, Phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ (P. ĐTSĐH&KH-CN) thực hiện thủ tục để Hiệu trưởng ký quyết định phân công và các thủ tục để CVHT hưởng quyền lợi theo chính sách của Trường).
4. Một lớp đào tạo trình độ thạc sĩ của một khóa tuyển được phân công 01 CVHT trong thời gian 4 năm cho khóa tuyển đó. Một CVHT đảm nhiệm công tác CVHT không quá 03 lớp đào tạo trình độ thạc sĩ.

Nhiệm vụ CVHT

1. Phối hợp cùng các đơn vị chức năng trong việc phổ biến, hướng dẫn, giải đáp và nhắc nhở học viên thực hiện các quy chế, quy định, thông báo của Trường, đặc biệt là các văn bản liên quan đến xử lý học vụ, thực hiện nghĩa vụ học phí, đăng ký và thực hiện luận văn.
2. Theo dõi tình hình, kết quả học tập của học viên theo từng học kỳ. Tư vấn cho học

viên của lớp phụ trách xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học; đăng ký học phần ở từng học kỳ một cách hợp lý để có thể hoàn thành đúng thời gian thiết kế của chương trình đào tạo.

3. Tư vấn học viên về việc chọn cán bộ hướng dẫn. Hỗ trợ học viên các thủ tục đăng ký, bảo vệ đề tài luận văn.

4. Thực hiện báo cáo về công tác CVHT về Phòng ĐTSĐH&KHCN, và báo cáo theo yêu cầu của Trưởng khoa.

5. Tổ chức họp lớp đào tạo trình độ thạc sĩ của một khóa tuyển ít nhất một học kỳ (khoảng 4 tháng) một lần.

Quyền hạn của CVHT

1. CVHT có quyền yêu cầu Ban Cán sự lớp báo cáo định kì và đột xuất tình hình mọi hoạt động của lớp để có giải pháp định hướng và can thiệp kịp thời các hoạt động của lớp.

2. CVHT được quyền đề nghị Trưởng khoa và các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu và các thông tin cần thiết để phổ biến cho học viên và phục vụ cho công tác quản lí lớp.

3. CVHT có quyền tham gia các phiên họp của Hội đồng các cấp có liên quan đến học viên của lớp phụ trách.

4. CVHT có quyền tổ chức họp lớp để thực hiện trách nhiệm được phân công

Quyền lợi của CVHT

1. CVHT được hưởng phụ cấp và giảm trừ số tiết theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ.

2. CVHT có thể được hưởng các phụ cấp do Khoa và chương trình đào tạo quy định.

Khen thưởng và Kỷ luật

1. Kết quả đánh giá CVHT là một trong những tiêu chuẩn để xét thi đua, khen thưởng trong năm học.

2. CVHT hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong cả năm học được xem xét đề nghị khen thưởng theo quy định của Trường.

3. CVHT không hoàn thành nhiệm vụ trong cả năm học sẽ xem xét các hình thức xử lý theo quy định của Trường.

Điều khoản thi hành

- 1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị phản ánh về Trường thông qua P. ĐTSĐH&KHCN. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy định này do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Tú Anh

Phụ lục 1. Bảng Tổng hợp CVHT của các khoa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
KHOA:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BÁO CÁO
CÔNG TÁC CỔ VẤN HỌC TẬP
Năm học:

1. Nhận xét, đánh giá chung

(báo cáo về tình hình triển khai công tác Cổ vấn học tập; nhận xét, đánh giá về mặt được, mặt chưa được về công tác Cổ vấn học tập của khoa trong năm học)

2. Đánh giá Cổ vấn học tập

STT	Cổ vấn học tập			Kết quả Đánh giá		
	Mã số Cán bộ	Họ và tên	Lớp	Thực hiện nhiệm vụ CVHT (A, B, C, D)	Thực hiện chế độ họp lớp và nộp biên bản họp lớp (A, B, C, D)	Kết quả Xếp loại
1						
2						

....						
------	--	--	--	--	--	--

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2. Thông tin cá nhân học viên được cung cấp cho CVHT

CVHT được cung cấp các thông tin cá nhân của học viên thuộc lớp do CVHT phụ trách, bao gồm:

1. Mã số học viên
2. Họ và tên học viên
3. Giới tính
4. Ngày, tháng, năm sinh
5. Điện thoại
6. Email cá nhân
7. Lớp
8. Thông tin về việc đăng ký học phần, thời khóa biểu
9. Thông tin về tình trạng học phí
10. Thông tin về kết quả học tập

Phụ lục 3. Mẫu Biên bản Hội họp

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**
KHOA:
LỚP:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI HỌP

Hội họp - Năm học:

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự:

1. Thời gian:
2. Địa điểm:
3. Thành phần tham dự:
 - Cố vấn học tập:
 - Chủ tọa - Lớp trưởng:
 - Thư ký:
 - Tổng số SV: Vắng: (có phép: ; không phép:)

II. Nội dung buổi hội họp:

Hội họp kết thúc vào lúc ngày tháng năm.....

**Xác nhận của Cố vấn học
tập**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thư ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tọa
(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA BAN CHỦ NHIỆM KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4 : Báo cáo công tác cổ vấn học tập

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHOA:.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BÁO CÁO CÔNG TÁC CỔ VẤN HỌC TẬP

Năm học:

Họ và tên CVHT:

Lớp phụ trách:Mã số Cán bộ:

I. Báo cáo các công tác đã thực hiện trong năm học:

1. Công tác chủ nhiệm lớp:

- (Liệt kê các nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện).....
-
-
-

2. Công tác cổ vấn học tập:

- (Liệt kê các nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện).....
-
-
-

3. Tổ chức họp lớp (nếu có)

- Lần 1: tổ chức buổi họp lớp và nộp biên bản họp lớp.
- Lần 2: tổ chức buổi họp lớp và nộp biên bản họp lớp.
- ...

4. Các công tác khác (nếu có):

-
-
-

II. Tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

- ☐ Hoàn thành xuất sắc (Thực hiện xuất sắc tất cả các nhiệm vụ được giao)
- ☐ Hoàn thành tốt (Thực hiện tốt tất cả các nhiệm vụ được giao)
- ☐ Hoàn thành (Thực hiện tất cả các nhiệm vụ nhưng chưa tốt do chậm tiến độ, thực hiện chưa đúng quy định hoặc chưa đạt yêu cầu)
- ☐ Chưa hoàn thành (Có một nhiệm vụ được giao không hoàn thành)

**NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CVHT
CỦA LÃNH ĐẠO KHOA**

CỔ VẤN HỌC TẬP
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

.....

.....

.....

.....

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 547 /QĐ-ĐHCNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về chính sách hỗ trợ công bố khoa học
dành cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-ĐHCNTT, ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNTT, ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy định về chính sách hỗ trợ công bố khoa học dành cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh** tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho quyết định số 561/QĐ-ĐHCNTT ngày 09/9/2020, về việc ban hành quy định về chính sách hỗ trợ công bố khoa học dành cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan của Trường Đại học Công nghệ Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH-KHCN (C).

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Tú Anh

QUY ĐỊNH

Về chính sách hỗ trợ công bố khoa học dành cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547 /QĐ-ĐHCNTT, ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục đích

1. Văn bản này quy định về việc hỗ trợ công bố khoa học cho sinh viên (SV), học viên thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (HVCH) và nghiên cứu sinh (NCS) bao gồm cả NCS dự bị gọi chung là NCS đang học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin (Trường ĐHCNTT), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM); quy định về cách tính định mức hỗ trợ và việc tuyên dương SV, HVCH, NCS có kết quả công bố tốt trên các hội nghị, tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín.
2. Khuyến khích, động viên SV, HVCH, NCS học tập tại Trường ĐHCNTT nghiên cứu khoa học.

Điều 2. Tài chính hỗ trợ công bố khoa học

Tài chính cho hỗ trợ kinh phí công bố khoa học gồm các nguồn sau:

1. Ngân sách nhà nước;
2. Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
3. Quỹ hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường;
4. Huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Điều kiện nhận hỗ trợ công bố khoa học, tuyên dương

- Là SV, HVCH, NCS đang trong thời gian đào tạo chính thức tại Trường tại thời điểm công bố bài báo khoa học, đối với bài báo hội nghị là thời điểm tổ chức hội nghị, đối với tạp chí là thời điểm công bố trang trên điện tử.
- Bài báo khoa học cần ghi rõ tên Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM theo quy định tại công văn số 2287/ĐHQG-KHCN, ngày 19/12/2019.

Dưới đây là ví dụ bài báo khoa học tiếng Anh (bài báo khoa học Tiếng Việt được thực hiện tương tự):

Tên bài báo khoa học: Advanced ML method in...

Nguyen van A^{1,2,...}

1. University of Information Technology, Ho Chi Minh City, Vietnam

2. Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

3.

(Nếu muốn ghi thêm phòng thí nghiệm thì ghi đầu tiên, rồi đến tên Trường.

Tên cơ quan khác của tác giả ghi sau cùng)

1. Đối với SV

Bài báo khoa học đã được nhận tài trợ của hội nghị hoặc nhận kinh phí từ đề tài khoa học công nghệ vẫn được xem là thỏa điều kiện nhận hỗ trợ.

2. Đối với HVCH, NCS

- HVCH, NCS là tác giả chính;
- Bài báo khoa học chưa nhận bất kỳ tài trợ nào (như kinh phí từ đề tài khoa học công nghệ các cấp, từ tài trợ của ban tổ chức hội nghị khoa học) và các khen thưởng khác của Trường.

Điều 4. Mức chi hỗ trợ công bố khoa học

1. Mức chi hỗ trợ cho bài báo khoa học có tác giả là SV theo Bảng 1. Tiền hỗ trợ bài báo khoa học được chi trực tiếp cho tác giả là SV của Trường ĐHCNTT. Mức chi hỗ trợ được xác định như sau:

a. Đối với bài báo khoa học mà SV là tác giả chính (Tác giả chính phải được mô tả rõ trong bài báo khoa học. Nếu không có mô tả thì tác giả chính được hiểu là tác giả có tên đứng thứ tự đầu tiên trong tập thể tác giả của bài báo khoa học): Chi 100% mức hỗ trợ.

- Nếu chỉ có 01 SV (là tác giả chính) thì tác giả chính hưởng 100%;
- Nếu bài báo khoa học có thêm 01 đồng tác giả là SV thì tác giả chính hưởng là 65%, đồng tác giả SV hưởng 35%;
- Nếu bài báo khoa học có nhiều hơn 01 đồng tác giả là SV thì tác giả chính hưởng 50%, các đồng tác giả SV hưởng như nhau với 50% còn lại.

b. Đối với bài báo khoa học mà SV không là tác giả chính: Chi 50% mức hỗ trợ. Mức hỗ trợ này chia đều có các đồng tác giả là SV.

2. Mức chi hỗ trợ cho bài báo khoa học có tác giả là HVCH, NCS theo Bảng 1: Chi 100% cho tác giả chính (không chi cho các đồng tác giả).

Bảng 1. Định mức hỗ trợ cho bài báo khoa học

Hạng	Nơi công bố bài báo khoa học	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/1 bài)
1.	Bài báo tạp chí thỏa đồng thời các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">- Thuộc danh mục SCI/SCIE,- Thuộc danh mục ISI uy tín của NAFOSTED,- Xếp hạng Scopus-Q1 theo trang SCIMAGOR,- Được chấm điểm tối đa theo xếp hạng của HĐGSNN của ngành tương ứng; Bài báo hội nghị xếp hạng A* theo bảng xếp hạng CORE.	25
2.	Bài báo tạp chí thỏa đồng thời các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">- Thuộc danh mục SCI/SCIE,- Thuộc danh mục ISI uy tín của NAFOSTED,- Xếp hạng Scopus-Q1 theo trang SCIMAGOR,- Được chấm 2.0 điểm theo xếp hạng của HĐGSNN của ngành tương ứng; Bài báo hội nghị xếp hạng A theo bảng xếp hạng CORE.	20

3.	Bài báo tạp chí thỏa đồng thời các điều kiện sau: - Thuộc danh mục SCI/SCIE, - Xếp hạng Scopus-Q2 theo trang SCIMAGOR	16
4.	Bài báo tạp chí thỏa đồng thời các điều kiện sau: - Thuộc danh mục SCI/SCIE, - Xếp hạng Scopus-Q3 theo trang SCIMAGOR	12
5.	Bài báo xếp hạng Scopus-Q4 theo trang SCIMAGOR	10
6.	Bài báo tạp chí thuộc danh mục ESCI	8
7.	Bài báo hội nghị xếp hạng B theo bảng xếp hạng CORE.	6
8.	Bài báo hội nghị xếp hạng C theo bảng xếp hạng CORE.	4
9.	Bài báo hội nghị thuộc danh mục Scopus	2

Điều 5. Tổ chức tuyên dương

- SV, HVCH, NCS có kết quả công bố trên các hội nghị, tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín theo Bảng 1 sẽ được nhận giấy khen Hiệu trưởng.

- Phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ (ĐTSDH&KHCN) có trách nhiệm cung cấp thông tin để phòng Công tác Sinh viên (CTSV) thực hiện việc tuyên dương SV, HVCH, NCS.

Điều 6. Đợt xét hỗ trợ công bố khoa học

Trường tổ chức 2 đợt xét mỗi năm vào tháng 6 và tháng 11. Phòng ĐTSDH&KHCN sẽ thông báo cụ thể trên website Trường.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện	Nhiệm vụ thực hiện	Mẫu biểu
Phòng ĐTSDH&KHCN	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐTSDH&KHCN thông báo các Khoa về việc xét hỗ trợ: 2 đợt vào tháng 6, tháng 11 - Phòng ĐTSDH&KHCN kiểm tra hồ sơ của các Khoa theo Phụ lục 9, tổng hợp hồ sơ trình phê duyệt và thông báo kết quả xét hỗ trợ và chuyển kết quả về các Khoa, phòng Kế hoạch tài chính (KHTC), phòng CTSV - Công khai kết quả trên website KHCN/ website Khoa/ website Trường 	<p>Mẫu Phụ lục 3</p> <p>Mẫu Phụ lục 4</p> <p>Mẫu Phụ lục 7</p> <p>Mẫu Phụ lục 8</p>
Khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa thông báo người học (SV, HVCH, NCS) về việc xét hỗ trợ: 2 đợt vào tháng 6, tháng 11 - Người học nộp hồ sơ theo hướng dẫn của Trường, gửi email xác nhận nộp hồ sơ về Khoa, phòng ĐTSDH&KHCN - Khoa lập bảng đề xuất mức hỗ trợ, bảng thống kê và nộp về phòng ĐTSDH&KHCN - Khoa thông báo kết quả đến người học 	<p>Mẫu Phụ lục 1</p> <p>Mẫu Phụ lục 2</p> <p>Mẫu Phụ lục 5</p> <p>Mẫu Phụ lục 6</p>

	- Công khai kết quả trên website Khoa	
Đơn vị thực hiện	Nhiệm vụ thực hiện	Mẫu biểu
Phòng CTSV	-Thực hiện việc tuyên dương SV, HVCH, NCS. - Thông báo việc tuyên dương đến các đơn vị liên quan	
Phòng KHTC	- Thực hiện việc khen thưởng SV, HVCH, NCS. - Thông báo việc khen thưởng đến các đơn vị liên quan	

- Phòng CTSV, các Khoa, phòng KHTC, phòng ĐTSĐH&KH-CN và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành việc tuyên dương và hỗ trợ công bố khoa học cho SV, HVCH, NCS theo quy định.

- Quy định này được áp dụng cho các bài báo khoa học có sự tham gia của SV, HVCH, NCS được công bố kể từ tháng 05 năm 2023.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc thì các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về phòng ĐTSĐH&KH-CN để báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Tú Anh

Phụ lục 1: Mẫu này được trình bày ngang (Landscape) (Khoa thực hiện)

Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Khoa:

ĐỀ XUẤT MỨC HỖ TRỢ CÔNG BỐ KHOA HỌC

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng ĐTSĐH&KHCN;

Căn cứ quy định số: Ngày tháng năm ,

Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất mức chi cho SV, HVCH, NCS với nội dung trong bảng sau:

S TT	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên,	M ã lớp	Chươ ng trình đào tạo	Tên bài báo khoa học	Vai trò (tác giả chính/đồng tác giả)	Tên viết tắt Hội nghị/ Tạp chí	Xếp hạng (Theo bảng 1)	Mức hỗ trợ (triệu)	Gh i chú
1	Ng Văn A	034 9			Cải tiến thuật toán..	Tác giả chính	MAPR	1.		
2	Ng Văn B	434			Cải tiến thuật toán..	Đồng tác giả		1		

Tổng số tiền:....

Lưu VT:

- Khoa
- Phòng ĐTSĐH&KHCN

Ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Phụ lục 2: Mẫu này được trình bày ngang (Landscape) (Khoa thực hiện)

Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Khoa:

BẢNG KÊ THANH TOÁN HỖ TRỢ BÀI BÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng ĐTSĐH&KH-CN;

Căn cứ quy định số: Ngày tháng năm ,

Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất mức chi cho SV, HVCH, NCS với nội dung trong bảng sau:

S TT	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên	Mức hỗ trợ (triệu)	Thông tin STK	Ngân hàng	Chi nhánh	Ghi chú
1	Ng Văn A	0349					
2	Ng Văn B	434					

Tổng số tiền:....

Lưu ý: Mỗi sinh viên ghi tổng số tiền cho tất cả bài báo khoa học, ngân hàng Vietcombank, Bidv ưu tiên

Ngày tháng năm
Trưởng Khoa

Phụ lục 3: Mẫu này được trình bày ngang (Landscape)

Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Phòng ĐTSĐH&KHCN

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT MỨC HỖ TRỢ CÔNG BỐ KHOA HỌC

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;

Căn cứ quy định số: Ngày tháng năm ,

Phòng ĐTSĐH&KHCN đề xuất mức chi cho SV, HVCH, NCS với nội dung trong bảng sau:

S TT	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên,	M ã lớp	Chươ ng trình đào tạo	Tên bài báo khoa học	Vai trò (tác giả chính/đồng tác giả)	Tên viết tắt Hội nghị/ Tạp chí	Xếp hạng (Theo bảng 1)	Mức hỗ trợ (triệu)	Gh i chú
1	Ng Văn A	034 9			Cải tiến thuật toán..	Tác giả chính	MAPR	1.		

Tổng số tiền:....

Lưu VT:

- Phòng ĐTSĐH&KHCN
- Phòng KHTC

Phê duyệt Ban Giám Hiệu

Phụ lục 4: Mẫu này được trình bày ngang (Landscape)

Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Ngày tháng năm

Trưởng phòng

Phòng ĐTSĐH&KHCN

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN HỖ TRỢ BÀI BÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;

Căn cứ quy định số: Ngày tháng năm ,

Phòng ĐTSĐH&KHCN đề xuất mức chi cho SV, HVCH, NCS với nội dung trong bảng sau:

S TT	Họ và tên sinh viên	Mã sinh viên	Mức hỗ trợ (triệu)	Thông tin STK	Ngân hàng	Chi nhánh	Ghi chú
1	Ng Văn A	0349					
2	Ng Văn B	434					

Tổng số tiền:....

Lưu ý: Mỗi sinh viên ghi tổng số tiền cho tất cả bài báo khoa học, ngân hàng Vietcombank, Bidv ưu tiên

Lưu VT:

- Phòng ĐTSĐH&KHCN
- Phòng KHTC

Ngày tháng năm

Phê duyệt Ban Giám Hiệu

Trưởng phòng

Phụ lục 5 (Khoa thực hiện)

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA/BỘ MÔN :

DANH SÁCH TUYÊN DƯỠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Stt	Họ và Tên	Mã số SV/HV/NCS	Khoa	Xếp hạng bài báo cao nhất	Số bài báo	Ghi chú
1						
2						
3						

Tổng số:

Ngày tháng năm

Trưởng Khoa

**Phụ lục 6 (Khoa thực
hiện)**

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**KHOA/BỘ
MÔN.....**

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ BÀI BÁO KHOA HỌC ĐỀ XUẤT NHẬN HỖ TRỢ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN, HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC**

Stt	Tên bài báo khoa học	Tên viết tắt Hội nghị/ Tạp chí	Xếp hạng (Theo bảng 1	Khoa	Ghi chú
1					

Tổng số:

Ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Phụ lục 7

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG ĐTSĐH&KHCN

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH TUYỂN DƯỠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Stt	Họ và Tên	Mã số SV/HV/NCS	Khoa	Xếp hạng bài báo cao nhất	Số bài báo	Ghi chú
1						
2						
3						

Tổng số:

Ngày tháng năm

Trưởng phòng

Phụ lục 8

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG ĐTSĐH&KHCN

**BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ SỐ BÀI BÁO KHOA HỌC ĐỀ XUẤT NHẬN HỖ TRỢ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN, HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC**

Stt	Tên bài báo khoa học	Tên viết tắt Hội nghị/ Tạp chí	Xếp hạng (Theo bảng 1	Khoa	Ghi chú
1					

Tổng số:

Ngày tháng năm

Trưởng phòng

Phụ lục 9: Mục lục hồ sơ xét hỗ trợ bài báo khoa học (Phòng DTSDH&KHCN kiểm tra)

STT	Nội dung	Có	Không
1	Sinh viên điền form submit thông tin và <i>forward cái response receipt, lưu form vào mục minh chứng PDF</i>		
2	Bảng đề xuất mức hỗ trợ công bố khoa		
3	Bảng kê thanh toán hỗ trợ bài báo khoa học		
4	Danh sách tuyên dương nghiên cứu khoa học		
5	Bảng thống kê số lượng bài báo khoa học		
6	Bảng in minh chứng bài báo khoa học theo thứ tự theo bảng đề xuất		

Lưu ý: Khi nộp cần đóng thành cuốn bìa màu xanh in tất cả các mục trong checklist theo thứ tự, bảng checklist để trang đầu.

- Đơn đề xuất của SV - in từ email mà SV đã forward về Khoa
- Toàn văn bài báo KH - in từ link pdf trong email mà SV đã forward về Khoa
- Minh chứng xếp hạng bài báo KH - in từ trang tra cứu ERA, SCIMAGOJR

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúcCÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số: 1569 /QĐ-ĐHCNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về việc cấp học bổng
cho học viên Sau đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHCNTT, ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNTT, ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-ĐHCNTT, ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ và Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy định về việc cấp học bổng cho học viên Sau đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin.**

Điều 2. Quyết định này thay thế cho quyết định số 620/QĐ-ĐHCNTT ngày 01/10/2020, về việc cấp học bổng cho học viên Sau đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan của Trường Đại học Công nghệ Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:**HIỆU TRƯỞNG**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐTSĐH-KHCN (C).

Nguyễn Hoàng Tú Anh

QUY ĐỊNH

Về việc cấp học bổng

cho học viên Sau đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1569 /QĐ-ĐHCNTT, ngày 19 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục đích

1. Văn bản này quy định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập (KKHT), học bổng tài trợ cho học viên thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh (NCS) (gọi chung là học viên) tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);
2. Khuyến khích, động viên học viên học tập và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 2. Tài chính cho học bổng

Tài chính cho học bổng gồm các nguồn sau:

1. Ngân sách nhà nước;
2. Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
3. Trích từ nguồn thu hợp pháp của trường;
4. Huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Loại học bổng, giá trị học bổng và nguyên tắc xét

1. Học bổng cho học viên sau đại học gồm:
 - a. Loại 1: Học bổng khuyến khích học tập dựa trên thành tích xuất sắc bậc đại học.
 - b. Loại 2: Học bổng khuyến khích học tập dựa trên kết quả học tập năm đầu tiên của học viên.

- c. Loại 3: Học bổng tài trợ từ cá nhân hoặc tổ chức liên hệ với Trường hoặc Khoa để cấp học bổng.
2. Giá trị học bổng và số suất học bổng:
- a. Giá trị học bổng loại 1 và loại 2 tối đa là học phí của một học kỳ.
 - b. Giá trị học bổng loại 3 tùy thuộc kinh phí tài trợ.
 - c. Tùy theo đợt tuyển sinh chương trình đào tạo thạc sĩ, căn cứ vào tình hình kinh phí Hiệu trưởng quyết định số lượng suất học bổng cho một đợt tuyển sinh.
3. Nguyên tắc xét học bổng :
- a. Xét cấp học bổng mỗi năm một lần theo đợt tuyển sinh;
 - b. Đảm bảo công bằng, công khai;
 - c. Trên cơ sở chỉ tiêu của từng học bổng, sắp xếp các đối tượng có đủ tiêu chuẩn theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp và xét cho tới khi hết chỉ tiêu;
 - d. Thứ tự ưu tiên khi xét học bổng:
 - Học bổng loại 1: chất lượng bài báo, số lượng bài báo, giải thưởng.
 - Học bổng loại 2: số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình tích lũy, công bố khoa học.
 - Học bổng loại 3: thực hiện theo Điều 7 của Quy định này.
4. Yêu cầu chung đối với học viên:
- a. Còn trong thời gian đào tạo chính thức (2 năm đối với học viên chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và 3 năm đối với nghiên cứu sinh);
 - b. Không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật ở Trường từ mức khiển trách trở lên;
 - c. Học viên nhận học bổng phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính;
 - d. Học viên nhận nhiều học bổng trong cùng một năm thì chỉ được nhận học bổng có giá trị cao nhất.

Chương 2

HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Điều 4. Học bổng khuyến khích học tập dành cho học viên thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ dựa trên thành tích đầu vào của tuyển sinh (học bổng loại 1)

- 1. Thời gian tính thành tích học tập liệt kê dưới đây là 1 năm (12 tháng) kể từ thời điểm cấp bằng tốt nghiệp đại học đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đợt tuyển sinh CTĐT thạc sĩ. Học viên thỏa nhiều mức nhận học bổng thì chỉ được nhận học bổng mức cao nhất.

STT	Điều kiện tối thiểu	Mức học bổng
1.	<p>Bài báo tạp chí/hội nghị thuộc danh sách UIT -XS⁽¹⁾</p> <p>VÀ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bài báo tạp chí thỏa đồng thời các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> Thuộc danh mục SCI/SCIE, Thuộc danh mục tạp chí ISI uy tín của NAFOSTED, Xếp hạng Scopus-Q1 theo trang SCIMAGOJR, Được chấm điểm tối đa theo xếp hạng của HDGSNN của ngành tương ứng; Bài báo hội nghị xếp hạng A* theo bảng xếp hạng CORE. 	100%
2.	Học viên có giải thưởng đặc biệt UIT Honors Challenge	50%

Ghi chú: (1) Danh mục UIT-XS được Trường ban hành và cập nhật tại địa chỉ <http://link.uit.edu.vn/UIT-XS>

Điều 5. Học bổng khuyến khích học tập dành cho học viên thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ dựa trên kết quả học tập (học bổng loại 2)

Khoảng thời gian xét thành tích học tập là 12 tháng, tính từ quyết định nhập học theo từng đợt tuyển sinh. Học viên đã nhận học bổng loại 1 vẫn có thể xét nhận học bổng này.

Điều kiện tối thiểu	Mức học bổng
<p>Học viên thỏa đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tín chỉ tích lũy ít nhất 30 tín chỉ. - Điểm trung bình tính trên 30 tín chỉ đạt từ 8.0 điểm trở lên và không có môn không đạt. <p>Ghi chú: Học viên tích lũy trên 30 tín chỉ có thể chọn các môn học đạt điểm cao để tính điểm trung bình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí phụ: công bố khoa học 	75%

Điều 6. Học bổng khuyến khích học tập dành cho NCS (học bổng loại 2)

Điều kiện tối thiểu	Mức học bổng
<ul style="list-style-type: none"> - Có 1 bài báo tạp chí hoặc hội nghị (tạp chí Scopus-Q1 theo trang SCIMAGOR, hoặc hội nghị ERA-A) được nhận đăng hoặc trong thời gian bình duyệt và trong thời gian giữa hai đợt đóng học phí (trừ đợt đóng học phí đầu tiên thì thời gian tính từ khi nhập học). Nội dung bài báo khoa học phải liên quan đến đề tài luận án tiến sĩ. - Cam kết làm việc tối thiểu 3 ngày/tuần tại phòng thí nghiệm hoặc đơn vị chuyên môn của Trường trong thời gian nhận học bổng có xác nhận của Khoa/Đơn vị chuyên môn. 	50%

Chương 3

HỌC BỔNG TÀI TRỢ

Điều 7. Nguyên tắc xét cấp học bổng tài trợ (học bổng loại 3)

Theo tiêu chí cấp học bổng của nhà tài trợ. Nếu nhà tài trợ không đưa tiêu chí thì phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ (ĐTSĐH&KH-CN) và phòng Công tác sinh viên (CTSV) phối hợp đề xuất phương án xét học bổng để Hiệu trưởng xem xét quyết định dựa trên các tiêu chí sau theo thứ tự ưu tiên:

- Thành tích học tập: Điểm trung bình học tập (GPA) của học viên tối thiểu từ 7.0/10 hoặc tương đương.

- Nghiên cứu khoa học: Học viên có công trình nghiên cứu hoặc bài báo đăng trên các tạp chí uy tín, tham gia hội nghị khoa học liên quan.
- Hoạt động ngoại khóa và xã hội: Ưu tiên học viên có đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, tình nguyện, hoặc các dự án khởi nghiệp, sáng tạo.

Ghi chú: Ưu tiên học viên có hoàn cảnh khó khăn, nhưng vẫn duy trì kết quả học tập tốt và tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

Chương 4

QUY TRÌNH XÉT CẤP HỌC BỔNG

Điều 8. Quy trình xét cấp học bổng

- Phòng ĐTSĐH&KHCN thông báo học bổng (qua trang web hoặc email) và tiếp nhận hồ sơ từ học viên.
- Phòng ĐTSĐH&KHCN thông báo danh sách nộp học bổng (qua trang web hoặc email) để học viên kiểm tra và phản hồi.
- Phòng ĐTSĐH&KHCN gửi công văn đề nghị danh sách học viên nhận học bổng về phòng CTSV.
- Phòng CTSV chủ trì việc thành lập Hội đồng xét học bổng, với đại diện Ban Giám hiệu, lãnh đạo các phòng ban, và đơn vị tài trợ (nếu có).
- Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét học bổng, phòng CTSV lập danh sách học viên nhận học bổng dự kiến.
- Phòng CTSV, phòng ĐTSĐH&KHCN công bố danh sách nhận học bổng dự kiến trên trang web, phối hợp tổ chức trao học bổng.
- Phòng CTSV, phòng ĐTSĐH&KHCN tiếp nhận phản hồi, khiếu nại trong vòng 10 ngày sau khi thông báo kết quả.
- Phòng CTSV, phòng ĐTSĐH&KHCN xử lý phản hồi, khiếu nại trong vòng 10 ngày sau khi nhận được thông tin.
- Phòng CTSV trình Hiệu trưởng ra Quyết định cấp học bổng và gửi về phòng ĐTSĐH&KHCN, phòng Kế hoạch tài chính (KHTC) hoàn tất thủ tục tài chính.
- Phòng CTSV gửi thư cảm ơn đến nhà tài trợ sau khi học bổng được cấp.

Chương 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm phòng ĐTSĐH&KHCN

- Thông báo học bổng (qua trang web hoặc email) và tiếp nhận hồ sơ từ học viên.;
- Cung cấp dữ liệu học tập của học viên để xét cấp học bổng sau đại học và các loại công việc nêu trong Điều 8 của Quy định này;
- Điều phối số suất học bổng KKHT, học bổng tài trợ cho các ngành;
- Phối hợp phòng CTSV, phòng KHTC cấp học bổng cho học viên theo Quy định.

Điều 10. Trách nhiệm phòng Công tác sinh viên

- Chủ trì các thủ tục xét và cấp học bổng cho học viên và các loại công việc được nêu trong Điều 10 của quy định này;
- Tiếp nhận thông tin học bổng tài trợ sau đại học, cung cấp thông tin học bổng sau đại học cho phòng ĐTSĐH&KHCN.
- Tiếp nhận khiếu nại của học viên liên quan đến học bổng tài trợ;
- Đại diện cho Trường gặp gỡ, tiếp xúc với các đơn vị tài trợ khi có yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm các Khoa và tổ chức đoàn thể

Các Khoa và tổ chức đoàn thể có trách nhiệm cung cấp cho phòng CTSV thông tin về các học bổng tài trợ (nếu có) và các thông tin cần thiết để xét cấp học bổng.

Điều 12. Trách nhiệm các đơn vị khác

Phòng KHTC và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hỗ trợ phòng ĐTSĐH&KHCN, phòng CTSV trong việc triển khai các loại học bổng.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

- Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025. Đối với các học viên đang được hưởng học bổng khuyến khích học tập, việc áp dụng vẫn tuân thủ theo Quyết định số 620/QĐ-ĐHCNTT ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc ban hành Quy định cấp học bổng cho học viên sau đại học.
- Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, phòng ĐTSĐH&KHCN ghi nhận và tổng hợp những ý kiến bổ sung, cần chỉnh sửa để trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA HỌC VIÊN**

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu Trường Đại học Công nghệ Thông tin;**
- Phòng ĐTSĐH&KHCN.**

Tên tôi là: Giới tính:

Sinh ngày: tại:

Hiện nay là: học viên ☐ chương trình thạc sĩ ☐ nghiên cứu sinh

MSHV:

Nơi công tác hiện tại:

.....

Điện thoại: Email:

Số tài khoản: Ngân hàng

Chi nhánh ngân hàng

Sau khi đọc và nghiên cứu kỹ Thông báo về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho học viên tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, tôi thấy đây là điều kiện rất tốt để thực hiện quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Vì vậy tôi viết đơn này đề nghị Trường Đại học Công nghệ Thông tin cấp học bổng cho quá trình học tập của tôi theo quy định của Nhà trường.

Được cấp học bổng, tôi xin cam kết:

1. Chấp hành nghiêm túc Quy chế đào tạo và các quy định khác của Trường Đại học Công nghệ Thông tin.
2. Không xin chuyển trường hoặc thay đổi khoá học, ngành học, chương trình học. Cam kết tích cực học tập, nghiên cứu để hoàn thành tốt chương trình đào tạo đúng thời hạn được phép.
3. Nếu không hoàn thành chương trình học tập và nghiên cứu, tôi phải bồi hoàn kinh phí theo qui định của Nhà trường.

Tôi cam kết thực hiện đầy đủ những điều nêu trên và các quy định hiện hành khác có liên quan. Nếu không thực hiện đúng bản cam kết này, tôi xin bồi hoàn toàn bộ học bổng đào tạo và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý kỷ luật theo các quy định hiện hành của Nhà trường và pháp luật của Nhà nước.

Trân trọng đề nghị Trường Đại học Công nghệ Thông tin xem xét, cấp học bổng cho tôi theo nguyện vọng.

....., ngày tháng năm 202

Học viên

(kí và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1207/QĐ-ĐHCNTT, ngày 01 / 10 /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ (ĐTThS), bao gồm: quy định chung; chương trình đào tạo (CTĐT); tổ chức và quản lý đào tạo; nghĩa vụ, quyền lợi của giảng viên (GV) và người học (NH); thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này được áp dụng tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia - Hồ Chí Minh (Trường ĐH CNTT, ĐHQG-HCM).

3. Quy chế này không áp dụng đối với chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ với cơ sở giáo dục nước ngoài, do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng; CTĐT thạc sĩ chất lượng cao.

Điều 2. Loại chương trình đào tạo

Các loại CTĐT thạc sĩ trong phạm vi của Quy chế này, gồm:

1. Chương trình đào tạo do Trường ĐH CNTT cấp văn bằng:
 - a. Chương trình đơn ngành do Trường ĐH CNTT cấp 01 văn bằng.
 - b. Chương trình song ngành được Trường ĐH CNTT cấp 02 văn bằng.
 - c. Chương trình liên thông do Trường ĐH CNTT cấp 1 văn bằng.
2. CTĐT song ngành của Trường ĐH CNTT và 01 cơ sở đào tạo (CSĐT) khác trong hệ thống ĐHQG-HCM do mỗi đơn vị cấp 01 văn bằng.
3. Chương trình liên kết trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, gồm:
 - a. CTĐT do Trường ĐH CNTT liên kết với CSĐT ngoài hệ thống ĐHQG-HCM hoặc với cơ sở giáo dục nước ngoài cùng cấp chung 01 văn bằng.

b. CTĐT do Trường ĐH CNTT liên kết với CSĐT ngoài hệ thống ĐHQG-HCM hoặc với cơ sở giáo dục nước ngoài mỗi bên cấp 01 văn bằng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường ĐH CNTT được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, có khối lượng kiến thức tối thiểu 60 tín chỉ theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. CTĐT gồm chương trình theo định hướng nghiên cứu và chương trình theo định hướng ứng dụng (sau đây gọi là chương trình nghiên cứu và chương trình ứng dụng).

a. Chương trình nghiên cứu (theo khoản 7, Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học): “CTĐT định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ”.

b. Chương trình ứng dụng (theo khoản 8, Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT): “CTĐT định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người”.

3. CTĐT do Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo và thực hiện kiểm định chất lượng theo quy định hiện hành.

4. Khung CTĐT, đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy chế này.

Điều 4. Phương thức đào tạo và cấu trúc chương trình đào tạo

1. Chương trình nghiên cứu được đào tạo theo hai phương thức

a. Phương thức 1: NH phải học học phần Triết học, sử dụng toàn thời gian nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn. Kết quả nghiên cứu là bài báo khoa học được chấp nhận công bố hoặc được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế.

b. Phương thức 2: NH học các học phần của CTĐT, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn.

2. Chương trình ứng dụng: NH học các học phần của CTĐT và thực hiện luận văn.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo: gồm các học phần và luận văn đáp ứng chuẩn CTĐT hiện hành (phụ lục II).

a. Chương trình nghiên cứu theo phương thức 1: gồm Triết học; học phần phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao và luận văn; luận văn tối thiểu 53 tín chỉ.

b. Chương trình nghiên cứu theo phương thức 2: gồm Triết học; học phần phương pháp nghiên cứu khoa học; các học phần của CTĐT; khối lượng nghiên cứu khoa học (các chuyên đề nghiên cứu khác) tối thiểu 12 tín chỉ và luận văn tối thiểu 15 tín chỉ.

c. Chương trình ứng dụng: gồm Triết học; học phần phương pháp nghiên cứu khoa học; các học phần của CTĐT và luận văn; luận văn tối thiểu là 12 tín chỉ.

4. Đối với học phần Triết học

a. Chương trình Triết học khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

b. Đối với NH là người nước ngoài, học phần Triết học được thay thế bằng học phần Lịch sử văn hóa Việt Nam.

Điều 5. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

2. Ngôn ngữ đào tạo là tiếng Việt. Khi có nhu cầu ĐTTThS bằng tiếng nước ngoài, đơn vị chuyên môn (ĐVCM) của ngành ĐTTThS phải lập kế hoạch cụ thể và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định và báo cáo ĐHQG-HCM.

3. Thời gian đào tạo (đã bao gồm thời gian làm luận văn) được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng CTĐT; đáp ứng quy định tại Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành, đồng thời bảo đảm đa số NH hoàn thành CTĐT.

a. Thời gian đào tạo toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy là 24 tháng.

b. Thời gian đào tạo được tính từ thời điểm chương trình chính thức bắt đầu của khóa tương ứng, ghi rõ trong quyết định nhập học.

c. Thời gian tối đa để NH hoàn thành khóa không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.

Điều 6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT quy định về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm và công việc mà NH có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu khác đối với từng phương thức đào tạo, từng ngành đào tạo; phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với mô tả năng lực NH đối với từng trình độ theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

2. Trường ĐH CNTT xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT gồm:

a. Chuẩn về kiến thức, năng lực chuyên môn.

b. Chuẩn về kỹ năng.

c. Chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm.

d. Vị trí việc làm của NH có khả năng đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

e. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

f. Các chuẩn khác.

3. Chuẩn ngoại ngữ trình độ thạc sĩ được quy định tại phụ lục 3 của Quy chế này.

4. Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi NH phải cùng một ngôn ngữ.

Điều 7. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. NH được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một CTĐT thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một CTĐT chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết

và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học CTĐT đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy tối thiểu 7.0 điểm, đã tích lũy ít nhất 60 tín chỉ và đã học xong học kỳ 5 theo thiết kế của CTĐT đại học có thể được đăng ký học trước một số học phần của CTĐT thạc sĩ. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong CTĐT thạc sĩ;

b. Điểm đánh giá đạt từ điểm 5.5 (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

c. Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

d. Đối với học phần tự chọn: NH được phép chọn học phần và tích lũy tối đa 12 tín chỉ từ các CTĐT thạc sĩ khác thuộc Trường, hoặc từ CSĐT khác với điều kiện phải được sự đồng ý của Trường.

e. Đối với các học phần thuộc CTĐT thạc sĩ mà NH đã tích lũy trước đó:

- NH được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một CTĐT thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một CTĐT chuyên sâu đặc thù.

- Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

- Đối với học phần Triết học: NH đã có chứng chỉ Triết học thuộc chương trình triết học dành cho Khối Khoa học Tự nhiên và Kỹ thuật của Bộ GD&ĐT do Trường hoặc các CSĐT khác thuộc ĐHQG-HCM cấp.

f. Những trường hợp khác

- Đối với chương trình bồi dưỡng sau đại học trong hệ thống ĐHQG-HCM, tổng số tín chỉ bồi dưỡng sau đại học được tính công nhận và chuyển đổi tối đa là 50% đối với CTĐT thạc sĩ tương ứng.

- Đối với CTĐT chuyên sâu đặc thù của ngành phù hợp với ngành đào tạo thạc sĩ được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của các học phần, đảm bảo số tín chỉ tích lũy của NH tối thiểu 180 tín chỉ cho toàn bộ CTĐT đại học - thạc sĩ và số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi tối đa 30 tín chỉ.

- Đối với chương trình song ngành, việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các CSĐT phải đảm bảo sự tương đồng về CDR học phần hoặc CTĐT, đề cương chi tiết học phần hoặc được thực hiện dựa trên văn bản thỏa thuận của thủ trưởng các CSĐT.

- Đối với chương trình trao đổi NH: số tín chỉ mà NH tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của CTĐT. Đối với các CSĐT trình độ thạc sĩ trực thuộc ĐHQG-HCM, số tín chỉ mà NH tích lũy không vượt quá 50% tổng khối lượng của CTĐT.

4. Các học phần được xét công nhận và chuyển đổi sẽ được tính vào điểm trung bình chung.

5. Thủ tục công nhận và chuyển đổi tín chỉ:

- NH nộp đơn xin xét chuyển điểm kèm theo bảng điểm hợp lệ và các giấy tờ liên quan khác (nếu có) đến đơn vị quản lý (ĐVQL).

- ĐVQL tiếp nhận và phối hợp với ĐVCM để xem xét, đánh giá sự tương đương của học phần và quyết định số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi.
- Trong trường hợp NH đã đạt được kết quả cho một học phần ở một CSĐT khác mà điểm không xác định cụ thể, NH phải làm đơn kèm xác nhận về ĐVCM để xem xét. ĐVQL sẽ căn cứ vào kết quả xem xét của ĐVCM, ghi điểm học phần bằng ký hiệu M (Miễn).

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 8. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo là Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM hoặc phân hiệu được ĐHQG-HCM cho phép hoạt động đào tạo.
2. Các hoạt động thực hành, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường ĐH CNTT nhưng không vượt quá 20% khối lượng CTĐT.

Điều 9. Tổ chức đào tạo

1. Quy định về tín chỉ, giờ học thực hiện theo điểm a và điểm b, khoản 1, Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT:

a. 01 (một) tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của NH, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, 01 tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Đầu khóa học, ĐVQL thông báo cho NH về quy chế đào tạo, CTĐT toàn khóa, kế hoạch giảng dạy, đề cương chi tiết học phần; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; các quy định của Trường ĐH CNTT có liên quan đến khóa học. Việc thay đổi, điều chỉnh CTĐT phải thực hiện theo quy định hiện hành; phải được công bố và hướng dẫn cho NH trước khi áp dụng. CTĐT sửa đổi chỉ được áp dụng với khóa tuyển sinh mới.

3. Tổ chức nhập học

a. ĐVQL có trách nhiệm tổ chức nhập học cho thí sinh trúng tuyển khóa mới. Thí sinh trúng tuyển không đăng ký nhập học thì không được công nhận là NH của Trường;

b. Khi nhập học, NH được cấp thẻ NH, tài khoản email, tài nguyên học tập và các quy chế, quy định tổ chức và quản lý đào tạo liên quan.

4. Phân công giảng dạy, lập thời khóa biểu

ĐVQL chủ trì và phối hợp với ĐVCM trong việc phân công giảng dạy và lập thời khóa biểu theo các bước sau:

a. Căn cứ CTĐT, ĐVQL lập kế hoạch giảng dạy và gửi yêu cầu phân công giảng dạy đến ĐVCM.

b. ĐVCM thực hiện phân công giảng dạy các học phần thuộc CTĐT do ĐVCM quản lý, bao gồm cả việc mời GV thỉnh giảng. Nếu là GV thỉnh giảng lần đầu, ĐVCM cần gửi lý

lịch khoa học, bằng photo công chứng văn bằng của GV kèm theo kế hoạch phân công giảng dạy đến ĐVQL và được sự phê duyệt của Hiệu trưởng .

c. ĐVCM gửi danh sách phân công GV đến ĐVQL ít nhất 15 ngày trước khi bắt đầu theo kế hoạch giảng dạy.

d. ĐVQL rà soát việc phân công giảng dạy và gửi phân công điều chỉnh (nếu có) đến ĐVCM.

e. ĐVQL lập thời khóa biểu chính thức và thông báo đến các ĐVCM, các phòng ban có liên quan đồng thời phổ biến trên trang thông tin điện tử. ĐVCM có trách nhiệm thông báo thời khóa biểu đến GV và NH.

5. Đăng ký học phần

- NH có nghĩa vụ đăng ký học phần và thanh toán học phí theo quy định của Trường.
- Thời hạn đăng ký học phần: chậm nhất 05 ngày trước khi bắt đầu học học phần.
- Tổ chức giảng dạy học phần theo lớp, gọi tắt là lớp học phần.
- Tổng số tín chỉ NH đăng ký tối đa trong 01 năm học không quá 45 tín chỉ. Tổng số tín chỉ đăng ký tối thiểu trong 01 năm học không ít hơn 15 tín chỉ (trừ chương trình nghiên cứu theo phương thức 1).
- NH chỉ được phép hủy đăng ký khi lớp học phần chưa bắt đầu và việc xin hủy này không gây ảnh hưởng đến việc mở lớp học phần.
- Không áp dụng đăng ký học phần cho HV đã học học phần đó và có điểm tổng kết học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

6. Đăng ký học lại: Nếu NH có điểm tổng kết học phần không đạt (điểm nhỏ hơn 5,5 theo thang điểm 10) thì phải đăng ký tại ĐVQL để học lại học phần.

7. Trường ĐH CNTT được tổ chức các lớp học trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Tổng số tín chỉ các học phần được đào tạo theo phương thức trực tuyến không vượt quá 30% tổng số tín chỉ của CTĐT. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

Điều 10. Chương trình song ngành

1. Nội dung chương trình

a. Chương trình song ngành là sự kết hợp giữa hai CTĐT thuộc hai ngành đào tạo khác nhau (CTĐT ngành thứ nhất – CTĐT ngành thứ hai).

b. Chương trình song ngành phải đảm bảo chuẩn đầu ra của NH sau khi tốt nghiệp của hai CTĐT và phù hợp với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

2. Điều kiện tổ chức đào tạo chương trình song ngành

a. Mã ngành đào tạo của CTĐT song ngành có trong Danh mục đào tạo hiện hành của Trường ĐH CNTT.

b. CTĐT thứ hai là ngành gần hoặc ngành khác với CTĐT thứ nhất.

3. Quy định số tín chỉ của CTĐT ngành thứ hai

a. Đối với ngành gần: khối lượng học phần tối thiểu là 15 tín chỉ và luận văn; tổng khối lượng kiến thức (bao gồm các tín chỉ trùng nhau và được công nhận tương đương giữa hai chương trình) phù hợp với quy định hiện hành.

b. Đối với ngành khác có khối lượng học phần tối thiểu 30 tín chỉ và luận văn; tổng khối lượng kiến thức (bao gồm các tín chỉ trùng nhau và được công nhận tương đương giữa hai chương trình) phù hợp với quy định hiện hành.

4. Điều kiện NH đăng ký học chương trình song ngành

a. NH đang học CTĐT theo hình thức chính quy.

b. NH đã hoàn thành năm học đầu tiên (tối thiểu 30 tín chỉ) của CTĐT ngành thứ nhất có điểm trung bình tích lũy từ 6.5 trở lên theo thang điểm 10.

c. NH đăng ký chậm nhất 01 (một) năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

d. Đối với NH học chương trình nghiên cứu theo phương thức 1 không áp dụng khoản b và khoản c của Điều này.

5. Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các ngành trong cùng Trường ĐH CNTT hoặc giữa Trường ĐH CNTT với CSĐT khác được thực hiện theo thỏa thuận giữa thủ trưởng các CSĐT.

6. Trường ĐH CNTT xây dựng CTĐT song ngành; ban hành quy định hướng dẫn chi tiết thực hiện chương trình song ngành và công tác tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 11. Bồi dưỡng sau đại học

1. Bồi dưỡng sau đại học nhằm cung cấp những kiến thức mới, bổ sung, cập nhật và hiện đại hóa các kiến thức đã học, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết đang đặt ra trong công việc và nghề nghiệp của những người đã có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

2. Hiệu trưởng xem xét quyết định việc công nhận chứng nhận bồi dưỡng sau đại học đối với chứng nhận bồi dưỡng sau đại học được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều CSĐT.

Điều 12. Trao đổi người học

1. Trao đổi NH chỉ thực hiện giữa Trường ĐH CNTT với các CSĐT trong và ngoài nước đã ký văn bản thỏa thuận hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trường ĐH CNTT và các CSĐT trong và ngoài nước xây dựng văn bản thỏa thuận hợp tác việc công nhận tín chỉ lẫn nhau cho phép NH của Trường ĐH CNTT được học một số học phần tại CSĐT khác và ngược lại.

3. Giao trưởng ĐVCM xác định và tư vấn cho Hiệu trưởng quyết định về điều kiện trao đổi NH, đánh giá và công nhận tín chỉ lẫn nhau, khối lượng học tập đã tích lũy của NH được công nhận khi thực hiện CTĐT theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Điều kiện đăng ký và quy định công bố khoa học đối với các chương trình đào tạo

1. Điều kiện và thời điểm đăng ký phương thức đào tạo

a. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1

- NH tốt nghiệp đại học loại giỏi, là tác giả của ít nhất 01 (một) công bố khoa học trong danh mục Scopus có liên quan đến lĩnh vực sẽ nghiên cứu. Trường hợp NH tốt nghiệp loại khá có công bố khoa học tốt được Hiệu trưởng xem xét quyết định. Các công bố khoa học được xem xét trong vòng 2 năm tính từ thời điểm công bố đến thời điểm tuyển sinh mà NH ứng tuyển.

- Đăng ký học chương trình thạc sĩ nghiên cứu theo phương thức 1 trong vòng 01 tháng kể từ khi có quyết định trúng tuyển.

b. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 và chương trình ứng dụng: đăng ký phương thức đào tạo cùng lúc với đăng ký xét công nhận đề tài luận văn thạc sĩ theo thông báo của ĐVQL.

2. Hồ sơ đăng ký phương thức đào tạo gồm:

- Phiếu đăng ký phương thức đào tạo, trong đó có xác nhận chấp nhận hướng dẫn luận văn của người hướng dẫn (NHD), có xác nhận của ĐVCM phụ trách ngành đảm bảo điều kiện nghiên cứu cho NH;

- Lý lịch khoa học của NHD;

- Đề cương đề tài luận văn thạc sĩ;

- Minh chứng công bố khoa học của NH (nếu có).

3. Quy định công bố khoa học trong CTĐT thạc sĩ

Yêu cầu chung: Bài báo khoa học hoặc báo cáo khoa học có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu của luận văn, được đăng trên tạp chí, hội nghị uy tín, có chỉ số ISBN/ ISSN, thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước ngành Công nghệ Thông tin; được công bố hoặc được chấp nhận đăng trong thời gian đào tạo của NH.

Bài báo hoặc báo cáo khoa học có ghi cơ sở đào tạo là Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM theo quy định tại công văn số 2287/ ĐHQG-KHCN, ngày 19/12/2019.

Dưới đây là ví dụ bài báo tiếng Anh (bài báo tiếng Việt được thực hiện tương tự)

Tên bài báo: Advanced ML method in...

Nguyen Van A^{1,2,...}

1. University of Information Technology, Ho Chi Minh City, Vietnam

2. Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

3.

a. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1: NH là tác giả đứng đầu của ít nhất 01 (một) bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế chuyên ngành được xếp hạng Q2 trở lên thuộc danh mục Scopus (xếp hạng Q dựa trên trang <https://www.scimagojr.com/>).

b. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 và chương trình ứng dụng: Công bố khoa học được khuyến khích và được cộng điểm trong đánh giá đề tài luận văn.

Điều 14. Đánh giá học phần

1. Quy định chung:

- a. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng. Các quy định về kiểm tra, đánh giá phải được công khai.
- b. Nội dung và hình thức thi, kiểm tra, đánh giá phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã được xác định trong đề cương chi tiết.
- c. Học phần được đánh giá bởi các điểm thành phần (bài tập, kiểm tra định kỳ, tiểu luận, thi kết thúc học phần) theo quy định trong đề cương học phần và điểm tổng kết theo thang điểm 10. Số điểm thành phần ít nhất là 02 (hai), trong đó điểm thi kết thúc học phần là thành phần bắt buộc. Thi kết thúc học phần có thể theo hình thức tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc báo cáo tiểu luận.
- d. Điểm tổng kết học phần là điểm trung bình theo trọng số các điểm thành phần lấy đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu khi điểm tổng kết từ 5,5 trở lên.
- e. Điểm đánh giá thành phần và điểm tổng kết phải được ghi đầy đủ trong bảng điểm học phần theo biểu mẫu do Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT quy định, có chữ ký của GV phụ trách học phần và trưởng đơn vị chuyên môn. Bảng điểm học phần được lưu giữ theo quy định hiện hành.
- f. Đối với học phần được đào tạo theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, việc đánh giá học phần được thực hiện trực tiếp.
- g. NH được phúc khảo điểm học phần trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm. Chậm nhất 15 ngày làm việc, ĐVCM và ĐVQL phải phản hồi điểm phúc khảo cho NH.

2. Dự thi kết thúc học phần

- a. Điều kiện dự thi:
 - NH được dự kỳ thi kết thúc học phần khi đáp ứng các quy định về học tập được nêu trong đề cương chi tiết của học phần đó.
 - NH không đáp ứng các quy định học tập của học phần sẽ không được thi kết thúc học phần và phải nhận điểm tổng kết là 0 (không điểm) đối với học phần đó.
- b. NH vắng thi không phép phải nhận điểm 0 (không điểm) đối với điểm thi kết thúc học phần.
- c. Hoãn thi:
 - Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể dự kỳ thi kết thúc học phần, NH phải có đơn xin hoãn thi nộp tại ĐVQL trước buổi thi kết thúc học phần. Trong trường hợp đặc biệt như ốm đau, tai nạn, NH có thể nộp đơn hoãn thi kèm minh chứng liên quan trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày thi kết thúc học phần. Việc hoãn thi chỉ được xem xét khi NH đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của kỳ tương ứng với học phần.
 - NH hoãn thi kết thúc học phần nào thì các điểm thành phần còn lại được bảo lưu và được phép dự thi kết thúc học phần đó ở kỳ sau. Trường hợp học phần không có trong CTĐT của các khóa tiếp theo, NH được phép đăng ký và học học phần khác thay thế do ĐVCM quyết định.
 - Để được dự thi kết thúc học phần đã hoãn thi, NH phải nộp đơn xin dự thi cho ĐVQL ít nhất 07 ngày trước ngày thi kết thúc học phần đó.

3. Tổ chức thi kết thúc học phần: ĐVQL phối hợp với ĐVCM và các phòng ban liên quan có trách nhiệm tổ chức thi kết thúc học phần gồm: lịch thi, chuẩn bị đề thi, danh sách thi, phân công cán bộ coi thi và thông báo cho các bên liên quan, đảm bảo việc tổ chức thi đúng quy định. GV chấm thi có trách nhiệm nộp bảng điểm (gồm bản giấy và bản mềm) cho ĐVCM quản lý học phần muộn nhất là sau 20 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần.

Điều 15. Hướng dẫn luận văn

1. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của NH, đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của NH;

b. Được trình bày một cách khoa học, rõ ràng, mạch lạc và không được tẩy xóa, ngôn ngữ trình bày luận văn là tiếng Việt, theo hướng dẫn chi tiết trong Phụ lục III của Quy chế này;

c. Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn cho NH, phê duyệt NHD trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 03 tháng. Thời gian thực hiện luận văn đối với chương trình nghiên cứu phương thức 2 và chương trình ứng dụng là 06 tháng, đối với chương trình nghiên cứu phương thức 1 là 12 tháng.

Nếu NH chưa hoàn thành luận văn trong thời gian cho phép, NH có thể làm đơn xin gia hạn thêm thời gian làm luận văn. Việc gia hạn chỉ được xem xét cho NH còn thời gian đào tạo. Để được xem xét gia hạn thêm thời gian làm luận văn, NH phải hoàn tất học phí của chương trình học, có đơn giải trình về lý do gia hạn, báo cáo kết quả và kế hoạch thực hiện luận văn được sự chấp thuận của NHD và phải chịu toàn bộ kinh phí phát sinh trong quá trình gia hạn.

3. Mỗi NH có một hoặc hai NHD luận văn, trong đó phải có một người là GV cơ hữu của Trường. Tại một thời điểm, một NHD độc lập không quá 05 NH (bao gồm cả NH chương trình nghiên cứu và chương trình ứng dụng); nếu NHD là phó giáo sư trở lên và là trưởng nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHQG-HCM thì được hướng dẫn không quá 7 NH; trường hợp đồng hướng dẫn 02 NH được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 NH. Trường hợp NH có hai NHD, trong quyết định giao đề tài ghi rõ NHD và đồng hướng dẫn; quyết định tỷ lệ % của người hướng dẫn và người đồng hướng dẫn, trong đó tỷ lệ % của người đồng hướng dẫn tối đa là 50%.

4. Tiêu chuẩn của NHD luận văn:

a. Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của NH;

b. Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

c. Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;

d. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1, NHD phải đáp ứng thêm tiêu chuẩn sau: Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định nhận hướng dẫn luận văn phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Là tác giả chính của tối thiểu 01 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS/ Scopus;

- Là đồng tác giả của tối thiểu 02 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS/ Scopus;

- Là tác giả/ chủ sở hữu hoặc đồng tác giả/đồng chủ sở hữu của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc quốc tế;

- Là tác giả chính hoặc đồng tác giả của 02 bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế xuất bản có chỉ số ISBN, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực liên quan đến hướng đề tài của NH;

5. Thay đổi, điều chỉnh liên quan đến đề tài luận văn

a. Điều chỉnh tên đề tài: Việc thay đổi tên, điều chỉnh tên đề tài luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định, trên cơ sở đề nghị của NH, được NHD, Trưởng ĐVCM đồng ý trong thời gian 06 tuần kể từ khi đề tài được giao. Sau thời gian này, Hiệu trưởng chỉ ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận văn khi có đề nghị của Hội đồng đánh giá luận văn.

b. Thay đổi NHD: Việc thay đổi NHD luận văn do Hiệu trưởng xem xét ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của NH và được Trưởng ĐVCM đồng ý. Đơn đề nghị của NH phải có sự chấp thuận của NHD và người đồng hướng dẫn (nếu có) (phụ lục IV), Trưởng ĐVCM đồng ý và nộp cho ĐVQL trong thời gian 06 tuần kể từ khi đề tài được giao. Sau thời điểm này, NH phải đăng ký lại đề tài luận văn.

Điều 16. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Hội đồng đánh giá luận văn bảo đảm các yêu cầu sau:

a. Hội đồng đánh giá luận văn có 05 thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu 02 thành viên ở ngoài Trường ĐH CNTT; trong đó, ít nhất có 01 người là phản biện;

b. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập dựa trên đề nghị của trưởng ĐVCM và trưởng ĐVQL. Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn được ban hành trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày NH nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c. Tiêu chuẩn và yêu cầu đối với các thành viên hội đồng:

- Các thành viên hội đồng có trình độ tiến sĩ trở lên như tiêu chuẩn NHD quy định tại khoản 4 Điều 15;

- Chủ tịch phải là GV cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường, có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

- Các thành viên tham gia hội đồng đánh giá luận văn phải có bản nhận xét (phụ lục 5); đảm bảo tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn.

- NHD có thể tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NH không tham gia hội đồng.

3. Điều kiện để NH được bảo vệ luận văn:

a. NH hoàn thành tất cả học phần của CTĐT và điểm trung bình tích lũy đạt từ 5.5 trở lên theo thang điểm 10 (không tính ngoại ngữ).

b. Đã nộp luận văn, được NHD đồng ý cho bảo vệ;

c. Có giấy xác nhận kết quả kiểm tra trùng lặp và bản giải trình (nếu có) về luận văn theo quy định về liêm chính học thuật của Trường.

d. Đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra.

e. Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định.

f. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập; không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Hợp Hội đồng bảo vệ luận văn

a. Hội đồng phải tổ chức họp để đánh giá luận văn trong thời gian 30 ngày làm việc tính từ ngày ra quyết định thành lập. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng.
- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn.
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

b. Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng. Thời hạn tổ chức họp hội đồng được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng

5. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5.5 điểm và và điểm của mỗi thành viên trong Hội đồng không được chênh lệch nhau quá 3.0 điểm. Điểm đánh giá luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân (phụ lục 6), gồm: Điểm nội dung luận văn tối đa 09 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 01 điểm cho luận văn mà NH có bài báo/báo cáo khoa học liên quan được chấp nhận công bố hoặc được công bố trên danh mục tạp chí/hội nghị khoa học chuyên ngành hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng xác nhận bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân.

6. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, NH được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba. Chi phí cho việc bảo vệ lại luận văn bao gồm: chỉnh sửa, bổ sung luận văn hoặc thực hiện đề tài mới, tổ chức bảo vệ lại luận văn do NH tự chi trả theo quy định của Trường.

7. Sau khi bảo vệ thành công, nếu Hội đồng yêu cầu cần phải chỉnh sửa thì NH phải thực hiện chỉnh sửa và giải trình các yêu cầu trong biên bản phiên họp của Hội đồng trong vòng 30 ngày, bản giải trình phải được NHD và chủ tịch Hội đồng xác nhận, khi đó toàn văn luận văn (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại

thư viện của Trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8. Gia hạn bảo vệ luận văn

a. Điều kiện gia hạn: việc xem xét gia hạn chỉ thực hiện khi NH có lý do chính đáng. Hồ sơ xét gia hạn gồm: giấy đăng ký gia hạn bảo vệ luận văn, có ý kiến đề nghị của NHD, Trường ĐVCM (phụ lục IV), và Trường ĐVQL; minh chứng về nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài luận văn.

b. NH có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của Trường.

c. Thời gian gia hạn mỗi lần nhiều nhất 06 tháng, tổng thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng và không vượt quá thời gian đào tạo tối đa.

9. Đánh giá luận văn trực tuyến: Việc tổ chức đánh giá luận văn trực tuyến phải đảm bảo đáp ứng những yêu cầu sau:

a. Được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và NH; các thành viên hội đồng, NH phải được chuẩn bị kỹ các kỹ năng cần thiết để sử dụng các thiết bị, phần mềm hỗ trợ họp trực tuyến trước buổi bảo vệ.

b. Bảo vệ luận văn trực tuyến thực hiện theo đúng quy trình của bảo vệ trực tiếp. Biên bản của buổi bảo vệ luận văn trực tuyến do thư ký hội đồng chịu trách nhiệm ghi chép và công khai ngay trong buổi bảo vệ luận văn, sau đó được gửi đến các thành viên Hội đồng tham gia buổi bảo vệ và NH để xác nhận và gửi lại ĐVQL cùng phiếu đánh giá của từng thành viên Hội đồng.

c. Diễn biến của buổi bảo vệ luận văn trực tuyến được ĐVCM ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ kèm theo hồ sơ của NH.

d. Phần mềm hỗ trợ truyền hình trực tuyến và cơ sở hạ tầng kết nối tổ chức các buổi bảo vệ trực tuyến do ĐVCM lựa chọn, đảm bảo độ an toàn, tính bảo mật, chất lượng về âm thanh, hình ảnh kết nối với tất cả các cá nhân tham gia.

e. Trường là đầu cầu tổ chức bảo vệ phải đáp ứng: có tối thiểu 2 thành viên là chủ tịch và thư ký có mặt tại Trường cùng với NH.

f. Giao ĐVQL chịu trách nhiệm giải trình, quản lý và lưu trữ tài liệu liên quan để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục và thanh tra trong trường hợp có yêu cầu.

10. Việc tổ chức đánh giá luận văn trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác được thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

Điều 17. Thẩm định luận văn

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng luận văn.

Hội đồng thẩm định luận văn đáp ứng yêu cầu:

a. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên Hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

b. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận văn không được tham gia hội đồng thẩm định.

2. Thẩm định luận văn

a. Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài Luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của Luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ.

b. Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Quy chế này.

c. Tác giả luận văn, NHD, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của Hội đồng thẩm định nhưng được Trường ĐH CNTT thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu: Hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (trong trường hợp đã cấp bằng).

4. Thẩm định luận văn ngẫu nhiên: trường hợp ĐHQG-HCM xác định các luận văn cần thẩm định và ĐHQG-HCM có văn bản thông báo về trường hợp cần thẩm định, Trường sẽ chuyển hồ sơ theo yêu cầu về ĐHQG-HCM để thẩm định.

Điều 18. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện tốt nghiệp

- a. NH hoàn thành CTĐT và đạt điểm trung bình tích lũy toàn khóa học theo quy định.
- b. NH đạt trình độ ngoại ngữ theo phụ lục 3 của Quy chế này.
- c. NH hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường ĐH CNTT.
- d. Luận văn tốt nghiệp được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu và được nộp lưu tại Thư viện của Trường.
- e. NH không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Sau khi NH được Hội đồng xét tốt nghiệp và được ĐHQG- HCM đồng ý cấp phát phôi bằng, Hiệu trưởng ban hành Quyết định tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ theo quy định và cấp bằng điểm học tập theo phụ lục 7 của Quy chế này trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày NH bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn.

3. Căn cứ Quy chế văn bằng, chứng chỉ hiện hành của ĐHQG-HCM, hồ sơ cấp bằng thạc sĩ gồm:

- a. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học (có công chứng).
- b. Minh chứng đủ điều kiện ngoại ngữ theo quy định hiện hành.
- c. Bảng điểm học tập toàn khóa (phụ lục 7).
- d. Lý lịch khoa học của NH theo mẫu (phụ lục 8).
- e. Hồ sơ bảo vệ luận văn gồm: biên bản của Hội đồng chấm luận văn, nhận xét của các cán bộ phản biện, biên bản kiểm phiếu, các phiếu đánh giá, các biên bản giải

trình sửa chữa (nếu có), hồ sơ minh chứng về liêm chính học thuật đối với luận văn (xem quy định về Liêm chính học thuật).

- f. Có giấy xác nhận của Thư viện về việc nộp 01 quyển luận văn tốt nghiệp và file mềm luận văn. Phần sau quyển luận văn phải đóng kèm bản sao quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn, phiếu nhận xét của NHD, phiếu nhận xét các thành viên Hội đồng, văn bản giải trình hiệu chỉnh luận văn sau bảo vệ, phiếu yêu cầu chỉnh sửa (nếu có).

4. Cấp bằng thạc sĩ cho NH trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

5. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.

6. Đối với các NH không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này, hiệu trưởng cấp chứng nhận kết quả các học phần NH đã tích lũy trong CTĐT.

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Điều 19. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. NH được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d. Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Ngoài quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 5 của Quy chế này, thời gian được xem xét thêm sau khi nghỉ học tạm thời.

- a. Đối với điểm a, b, khoản 1 Điều này, thời gian NH được xem xét thêm căn cứ theo quyết định điều động của NH.
- b. Đối với điểm c khoản 1 Điều này, thời gian NH được xem xét thêm tối đa 06 tháng.
- c. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học.

3. Khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, NH phải có đơn gửi Hiệu trưởng trong thời gian đăng ký học của học kỳ tương ứng.

4. NH được cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

Điều 20. Chuyển đổi phương thức đào tạo và chuyển ngành đào tạo trong Trường ĐH CNTT

1. Chuyển đổi phương thức đào tạo

a. Trong quá trình học, NH được chuyển đổi phương thức đào tạo.

b. Điều kiện chuyển đổi phương thức đào tạo: thỏa điều kiện đăng ký phương thức và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định đối với chương trình nghiên cứu hoặc chương trình ứng dụng trong thời hạn tối đa của khóa đào tạo tương ứng, đồng thời không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Chuyển ngành đào tạo

a. Trong quá trình học, NH được chuyển đổi ngành đào tạo.

b. Điều kiện chuyển ngành đào tạo: NH đáp ứng điều kiện trong điểm a, b khoản 1 Điều 21 của Quy chế này; phải đảm bảo các yêu cầu theo đề án mở ngành và đề án tuyển sinh của Trường; và được sự đồng ý của ĐVCM nơi đi và nơi chuyển đến.

c. NH không được phép chuyển ngành đào tạo khi:

- Đã học hết 01 năm trong CTĐT thạc sĩ.
- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính của học kỳ đã học hoàn tất.
- Đã thực hiện chuyển đổi ngành đào tạo 01 (một) lần.

d. Thủ tục chuyển ngành đào tạo:

- NH xin chuyển ngành đào tạo phải làm đơn xin chuyển theo quy định, có xác nhận của Trường ĐVCM nơi đi và nơi đến.

- Sau khi có xác nhận của cả hai ĐVCM, ĐVQL làm thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định chuyển ngành cho NH, trong đó công nhận một phần hoặc toàn bộ học phần mà NH đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung.

Điều 21. Chuyển cơ sở đào tạo trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM

1. Điều kiện chung
 - a. Không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
 - b. NH không đang học ở học kỳ cuối của CTĐT hoặc đang thực hiện luận văn thạc sĩ.
 - c. Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, không vượt quá khả năng đào tạo theo quy định hiện hành.
 - d. Được sự đồng ý của CSĐT xin chuyển đi và CSĐT xin chuyển đến.
2. Điều kiện chuyển cơ sở đào tạo
 - a. Ngoài hệ thống ĐHQG-HCM phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Theo khoản 1 Điều này.
 - Chuyển đến CSĐT có cùng mã ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hiện hành.
 - Đáp ứng điều kiện trúng tuyển của CTĐT tương ứng của CSĐT nơi chuyển đến.
 - b. Trong hệ thống ĐHQG-HCM phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Theo khoản 1 Điều này.
 - Chuyển đến CSĐT có cùng mã ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hiện hành.
3. Giao ĐVCM phối hợp với ĐVQL xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ học phần mà NH đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung để trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với người học

1. NH có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.
2. NH thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. NH vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:
 - a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;
 - b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;
 - c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn.

CHƯƠNG IV

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 23. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ

1. GV tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm GV cơ hữu và GV thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn NH thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. GV tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung sau:

- a. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- b. Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy;
- c. Lý lịch bản thân rõ ràng.

3. GV tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết phải có học vị tiến sĩ. GV giảng dạy bồi dưỡng các học phần tiếng Anh, giảng dạy học phần Triết học hoặc NHD thực hành hoặc thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.

4. GV thỉnh giảng và báo cáo viên, gồm: các chuyên gia, nhà khoa học, các doanh nhân ở trong nước và nước ngoài khi tham gia CTĐT trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn đối với công việc được giao theo các quy định hiện hành của ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT.

5. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng trình Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét quyết định.

Điều 24. Nghĩa vụ và quyền của giảng viên

1. Nghĩa vụ của giảng viên

- a. Giảng dạy các học phần, các chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thực tập.
- b. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ.
- c. Tham gia các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ.
- d. Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ NH trong học tập, nghiên cứu.
- e. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của Trường. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong đối xử với NH.
- f. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc NH nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài.
- g. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để NH dự tuyển CTĐT trình độ thạc sĩ.
- h. Có trách nhiệm phổ biến cho NH đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của học phần.
- i. Hoàn tất các nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng giảng dạy ngay khi kết thúc học phần và thông báo để bộ phận quản lý đào tạo xác nhận và thanh lý hợp đồng đúng hạn.
- j. Đánh giá kết quả học tập của NH.
- k. Thực hiện quy định về nghỉ dạy, dạy bù:

- ĐVQL là đơn vị trực tiếp tiếp nhận thông tin và xử lý việc thông báo thay đổi liên quan đến giảng dạy (nghỉ dạy, thay đổi cán bộ giảng dạy) và đăng ký dạy bù của GV.
- Các tiết nghỉ dạy phải được đăng ký dạy bù.
- GV phải báo cho ĐVQL việc thay đổi giảng dạy (nghỉ dạy, thay đổi GV tạm thời). GV không được nghỉ dạy quá 3 buổi/học kỳ/lớp trừ những trường hợp nghỉ do được điều động công tác của Trường.
- Nếu GV dạy bù trong thời gian thực học phải đăng ký việc dạy bù trước ngày dạy bù ít nhất là 05 ngày. ĐVQL có thể yêu cầu GV đổi buổi dạy bù nếu thời gian mà GV đăng ký không phù hợp với lịch học của NH.

2. Quyền của giảng viên

- a. Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo.
- b. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- c. Được từ chối không hướng dẫn NH và thông báo bằng văn bản đến ĐVQL của Trường trong các trường hợp:
 - Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy chế này.
 - Sau 01 (một) tháng kể từ ngày nhận quyết định cử NHD mà NH không liên hệ, không tuân thủ và không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.
- d. Được ký hợp đồng giảng dạy và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác.
- e. Được hưởng các chính sách áp dụng đối với GV trong ĐTThS theo quy định của Trường, ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT.
- f. Trong trường hợp cần thiết, có thể đề xuất GV trợ giảng. Việc này do Hiệu trưởng xem xét quyết định.
- g. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền của người học

1. Nhiệm vụ của người học

- a. Thực hiện kế hoạch học tập, đào tạo theo năm học đã được Trường phê duyệt chương trình học tập (tham gia đầy đủ các buổi lên lớp) và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin về quá trình đào tạo trên website Trường.
- b. Hoàn thành CTĐT, chấp hành nội quy, quy chế, quy định về ĐTThS của Trường ĐH CNTT, ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT.
- c. Ngay sau khi có quyết định giao đề tài luận văn, NH thường xuyên gấp gở, trao đổi, xin ý kiến NHD để thực hiện luận văn đúng thời hạn.
- d. Thực hiện báo cáo giữa kỳ (3 tháng sau khi nhận đề tài) tiến trình hoàn thành luận văn có xác nhận của NHD luận văn gửi ĐVCM để báo cáo và nộp ĐVQL. Nếu không thực hiện báo cáo giữa kỳ, NH phải có giải trình với ĐVCM và ĐVQL.
- e. Đóng đầy đủ học phí và kinh phí đào tạo theo quy định. NH không đóng học phí sẽ bị xóa tên trong danh sách dự thi học phần và không có điểm của tất cả các học phần và bị buộc thôi học.

f. Tôn trọng GV, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường.

g. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của Trường.

2. Quyền của người học

a. Được quyền đăng ký xét học bổng theo quy định hiện hành.

b. Được quyền đăng ký xét hỗ trợ bài báo khoa học theo quy định hiện hành.

c. Được quyền xin cấp giấy xác nhận về điểm học phần, quá trình học tập.

d. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

e. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất theo quy định của Trường cho việc học tập nghiên cứu.

f. Được đề nghị ĐVCM và ĐVQL thay NHD luận văn trong trường hợp không liên hệ được với NHD hoặc NH không nhận được sự hướng dẫn đề tài luận văn.

g. Được phản hồi ý kiến với những người có thẩm quyền của Trường về CTĐT, về hoạt động giảng dạy của GV, cán bộ quản lý và hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.

h. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường ĐH CNTT.

i. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. ĐVQL lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm hoàn thiện cơ sở dữ liệu tại cơ sở đào tạo và cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về đào tạo thạc sĩ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận của cơ sở đào tạo và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Báo cáo: Trước ngày 30 tháng 12 hằng năm, Trường báo cáo ĐHQG-HCM về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ và các báo cáo khác liên quan do ĐHQG-HCM yêu cầu.

a. Số liệu tổng số NH nhập học, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm của Trường.

b. Số liệu dự kiến tốt nghiệp trong năm sau.

c. Số liệu được phân loại theo chương trình nghiên cứu, chương trình ứng dụng, ngành đào tạo, khóa đào tạo, hình thức đào tạo.

d. Tỷ lệ về thời lượng giảng dạy trực tuyến so với tổng thời lượng của CTĐT, báo cáo tỷ lệ cho từng CTĐT.

4. Giao ĐVQL công khai trên trang thông tin điện tử của Trường các thông tin sau cho từng CTĐT:

a. Giới thiệu khái quát về CTĐT;

b. Thời gian, địa điểm và hình thức đào tạo;

c. Yêu cầu đầu vào và thông tin tuyển sinh;

- d. Cấu trúc chương trình (kèm theo số tín chỉ cho mỗi học phần, luận văn, chuyên đề nghiên cứu);
- e. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn;
- f. Học tập và kiểm tra đánh giá;
- g. Chuẩn đầu ra, cơ hội việc làm;
- h. Học phí và học bổng (nếu có);
- i. Các thông tin khác mà ứng viên và NH cần biết về chương trình đào tạo.

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành.
2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: quá trình đào tạo, thời lượng, nội dung, CTĐT, liên kết đào tạo, đề thi, tổ chức cấp chứng nhận, công khai thông tin, GV, điều kiện đảm bảo chất lượng, hồ sơ cấp bằng.
3. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc biên soạn đề cương chi tiết, việc thực hiện kế hoạch đào tạo, lịch trình giảng dạy, đánh giá học phần của GV, trợ giảng và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo. chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của ĐHQG-HCM và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hoạt động vi phạm quy chế của Trường, về gian lận của NH, về sai phạm trong thực hiện đào tạo.
2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Phạm vi áp dụng quy chế

1. Quy chế này được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2025.
2. Các quy định trong Quy chế này sẽ thay thế cho các quy định liên quan của Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNTT ngày 25/4/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành “Quy chế đào tạo thạc sĩ” tại Trường ĐH CNTT.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. ĐVQL có trách nhiệm thông báo các biểu mẫu thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, nếu có những vấn đề quản lý phát sinh Quy chế này sẽ được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp.
3. Việc điều chỉnh, sửa đổi những nội dung liên quan đến Quy chế này do Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT xem xét, quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo

CSĐT: cơ sở đào tạo

CTĐT: chương trình đào tạo

ĐH CNTT: Đại học Công nghệ Thông tin

ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia -TP. Hồ Chí Minh

ĐTThS: đào tạo trình độ thạc sĩ

ĐVCM(Khoa): đơn vị chuyên môn

ĐVQL (Phòng ĐTSĐH&KH&CN): đơn vị quản lý

GV: giảng viên

NH: người học

NHD: người hướng dẫn